



BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

TÀI LIỆU

KIẾN THỨC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CHO CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Tổng cục Phòng chống thiên tai

In ấn, phát hành năm 2021



TỔNG CỤC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Trụ sở: Nhà A4, số 02 Ngọc Hà, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3733 5693 / Fax: (84-24) 3733 5701

Email: pctvietnam@mard.gov.vn

Website: phongchongthientai.mard.gov.vn

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	1
LỜI NÓI ĐẦU	2
PHẦN I:	
TỔNG QUAN TÀI LIỆU	4
1. Cơ sở pháp lý	5
2. Mục tiêu của tài liệu	6
2.1. Mục tiêu chung:.....	6
2.2. Mục tiêu cụ thể:	6
3. Đối tượng và phạm vi sử dụng tài liệu	6
3.1. Đối tượng:	6
3.2. Phạm vi:	6
PHẦN II:	
CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN	7
VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRONG DOANH NGHIỆP	7
I. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI.....	8
1. Thiên tai	8
2. Phòng, chống thiên tai	8
3. Công trình phòng, chống thiên tai	9
4. Rủi ro thiên tai.....	10
5. Cấp độ rủi ro thiên tai.....	11
6. Tình trạng dễ bị tổn thương	13
7. Năng lực phòng chống thiên tai	14
8. Khả năng phục hồi sau thiên tai:	15
II. HỆ THỐNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI.....	15

1. Hệ thống phòng chống thiên tai Việt Nam	15
1.1. Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai:	17
1.2. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:	18
1.3. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp địa phương	18
2. Hệ thống văn bản pháp luật về phòng chống thiên tai liên quan đến doanh nghiệp.....	20
2.1. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020	20
2.2. Nghị định Nghị định số 83/2019/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 94/2014/NĐ-CP quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai.....	24

PHẦN III:

HƯỚNG DẪN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI.....28

CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ.....28

I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ DOANH NGHIỆP:.....29

1. Tổ chức kinh tế:

2. Doanh nghiệp vừa và nhỏ:

3. Chuỗi giá trị:

4. Chuỗi cung ứng:.....

5. Chuỗi phân phối sản phẩm:

6. Cụm liên kết ngành:

II. PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG CHÂM 04 TẠI CHỖ:..... 31

<i>1. Chỉ huy tại chỗ:</i>	<i>31</i>
<i>2. Lực lượng tại chỗ:</i>	<i>34</i>
<i>3. Phương tiện, vật tư tại chỗ:</i>	<i>37</i>
<i>4. Hậu cần tại chỗ:</i>	<i>38</i>

III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP:..... 39

<i>1. Hoạt động: Đánh giá rủi ro thiên tai đối với doanh nghiệp</i>	<i>39</i>
<i>2. Hoạt động: Tập huấn, truyền thông nâng cao nhận thức, năng lực phòng chống thiên tai</i>	<i>46</i>
<i>3. Hoạt động: Nâng cao năng lực của doanh nghiệp</i>	<i>48</i>
<i>4. Thành lập/kiện toàn lực lượng PCTT doanh nghiệp:</i>	<i>49</i>
<i>5. Hoạt động: Lồng ghép nội dung PCTT trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp</i>	<i>53</i>
<i>6. Hoạt động: Xây dựng phương án ứng phó thiên tai</i>	<i>57</i>

CÁC PHỤ LỤC **60**

TÀI LIỆU THAM KHẢO **99**

**DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT**

BĐKH	Biến đổi khí hậu
CSVC	Cơ sở vật chất
DBTT	Dễ bị tổn thương
PCTT	Phòng, chống thiên tai
TKCN	Tìm kiếm cứu nạn
BCĐ	Ban chỉ đạo
BCH	Ban chỉ huy
RRTT	Rủi ro thiên tai
QLRRTT	Quản lý rủi ro thiên tai
QLRRTTDVCD	Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
UBND	Ủy ban nhân dân
DN	Doanh nghiệp



LỜI NÓI ĐẦU

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay, thiên tai trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã và đang diễn ra ngày càng cực đoan, khó dự đoán. Ở Việt Nam, hàng năm, thiên tai đã gây ra nhiều thiệt hại về con người, tài sản, môi trường sống và kinh tế- xã hội. Đặc biệt các doanh nghiệp cũng đã hứng chịu những thiệt hại đáng kể do thiên tai gây ra.

Theo số liệu thống kê tại thời điểm 31/12/2018, khu vực doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ và nhỏ có số lượng doanh nghiệp chiếm tỷ lệ cao nhất (382.444 doanh nghiệp, chiếm 62,6%), 189.879 doanh nghiệp quy mô nhỏ (chiếm 31,1%), 21.306 doanh nghiệp quy mô vừa (chiếm 3,5%), 17.008 doanh nghiệp quy mô lớn (chiếm 2,8%). Số lượng doanh nghiệp có xu hướng tăng lên (Năm 2018: 610.637 doanh nghiệp; 31/12/2019, trước đại dịch COVID-19: 758.610 doanh nghiệp)¹. Điều này cho thấy sự phát triển không ngừng của các doanh nghiệp.

Tuy nhiên thiệt hại do thiên tai gây ra hàng năm lên đến 70-80% tổng doanh thu của một số doanh nghiệp vừa và nhỏ. Theo khảo sát của Quỹ Châu Á với 191 doanh nghiệp khảo sát tại 03 tỉnh/thành phố (Nghệ An, Đà Nẵng, Khánh Hoà), có 61,25% số doanh nghiệp đã từng chịu thiệt hại do thiên tai gây ra trong vòng 05 năm trở lại đây; Với 117 doanh nghiệp khảo sát cho thấy: 5,13% bị thiệt hại rất nặng nề; 29,91% bị thiệt hại nặng nề; 42,74% thiệt hại ít và 22,22% thiệt hại không đáng kể².

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến mức độ thiệt hại về tài sản, cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp. Ngoài nguyên nhân khách quan do tần suất, cường độ thiên tai ngày càng tăng do thiên tai BĐKH và phát triển kinh tế xã hội thiếu bền vững thì sự chủ quan từ phía doanh nghiệp, lãnh đạo doanh nghiệp do chưa nhận thức đầy đủ,

¹ Báo cáo “Sự tham gia của thành phần tư nhân thực hiện Kế hoạch Quốc gia thích ứng với BĐKH tại Việt Nam”, Cục Biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường, tháng 6/2020

² Tài liệu hướng dẫn “Quản lý rủi ro thiên tai trong các doanh nghiệp” của Quỹ Châu Á, tháng 12/2011



thiếu năng lực, kinh nghiệm phòng chống thiên tai cũng đã góp phần gây nên thiệt hại của chính doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp chưa quan tâm hoặc ít quan tâm để phòng ngừa và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai (Khảo sát của Quỹ Châu Á, 5,43% doanh nghiệp không quan tâm đến PCTT hoặc không nhận thức được lợi ích của PCTT; 45,74% có quan tâm nhưng chưa có kế hoạch PCTT và phương án ứng phó thiên tai; 33,33% đã có kế hoạch nhưng không đủ năng lực, nguồn lực thực hiện)³. Đặc biệt đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ khó khăn về nguồn vốn tự có nên chưa có điều kiện quan tâm đến công tác PCTT và tự bảo vệ mình trước các sự cố bất ngờ do thiên tai gây ra.

Các doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động trên cả nước, đóng góp không nhỏ vào GDP của đất nước góp phần quan trọng cho sự phát triển. Vì vậy, việc nâng cao năng lực phòng chống thiên tai nhằm góp phần ổn định sản xuất, đảm bảo chuỗi cung ứng liên tục là đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp. Cuốn tài liệu “Kiến thức phòng, chống thiên tai cho cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ” là tài liệu tham khảo giúp cho doanh nghiệp chuẩn bị chủ động hơn trước thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

³ Tài liệu hướng dẫn “Quản lý rủi ro thiên tai trong các doanh nghiệp” của Quỹ Châu Á, tháng 12/2011



PHẦN I: **TỔNG QUAN TÀI LIỆU**



1. Cơ sở pháp lý

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020:

+ Khoản 4, Điều 5. Chính sách của Nhà nước trong phòng, chống thiên tai

+ Mục a, d khoản 1 Điều 6. Nguồn lực cho phòng, chống thiên tai.

+ Khoản 1 Điều 7. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai

+ Điều 18a. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc quản lý, vận hành, sử dụng công trình.

+ Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế.

- Luật Đầu tư (2020) tại khoản 21, Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí Thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Nghị quyết 76/2018 NQ-CP ngày 18/6/2018 về công tác phòng, chống thiên tai.

- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCTT;

- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ.



2. Mục tiêu của tài liệu

2.1. Mục tiêu chung:

Nâng cao nhận thức, năng lực phòng chống thiên tai cho cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ để đảm bảo an toàn, phát triển bền vững của doanh nghiệp, đảm bảo tính liên tục chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị của sản phẩm trước các tác động của thiên tai trong bối cảnh BĐKH;

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Cung cấp kiến thức cơ bản về phòng chống thiên tai nhằm giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác phòng chống thiên tai trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; đồng thời chủ động tham gia, phối hợp với các cơ quan, lực lượng phòng chống thiên tai thực hiện các hoạt động phòng chống thiên tai tại địa phương

- Giúp các doanh nghiệp chủ động lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong tổ chức thực hiện các hoạt động bảo an toàn về người, tài sản, hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và đẩy nhanh quá trình phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi thiên tai xảy ra.

3. Đối tượng và phạm vi sử dụng tài liệu

3.1. Đối tượng:

- Tài liệu này dành cho cộng đồng doanh nghiệp vừa và nhỏ gồm chủ doanh nghiệp, cán bộ quản lý, nhân viên và người lao động.

- Tài liệu cung cấp thông tin cần thiết cho các cơ quan làm việc về PCTT trong phối hợp xây dựng, triển khai các hoạt động phòng chống thiên tai trên địa bàn; các tổ chức, cá nhân hỗ trợ lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong các hoạt động xây dựng, phát triển doanh nghiệp.

3.2. Phạm vi:

Áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên phạm vi toàn quốc.



PHẦN II:
CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN
VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRONG
DOANH NGHIỆP



I. KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Thiên tai

a. Khái niệm:

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.

Các loại hình thiên tai bao gồm: Bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác .



b. Giải thích:

Đối với danh nghiệp, thiệt hại do thiên tai gây ra là con người, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; điều kiện và môi trường sản xuất do cơ sở vật chất bị hư hỏng, thiếu hụt nguyên liệu do nguồn nhiên liệu bị thiệt hại; chuỗi cung ứng bị gián đoạn⁴.

(Các loại hình thiên tai điển hình theo phân vùng thiên tai tại Phụ lục 1 kèm theo)

2. Phòng, chống thiên tai

a. *Khái niệm:* Là quá trình mang tính hệ thống gồm các hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

b. Giải thích:

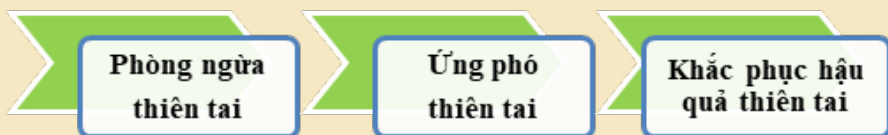
- Các hoạt động phòng ngừa thiên tai được thực hiện trước khi thiên tai xảy ra và được quy định tại Điều 13 - Nội dung phòng ngừa thiên tai của Luật PCTT

⁴ Khoản 1, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đề điều 5 Khoản 3, Điều 3, Luật phòng, chống thiên tai



- Các hoạt động ứng phó thiên tai là các hoạt động hỗ trợ khẩn cấp được thực hiện trong hoặc ngay sau khi thiên tai xảy ra và được quy định tại Điều 26 - Các biện pháp cơ bản ứng phó thiên tai của Luật PCTT

- Các hoạt động khắc phục hậu quả sau thiên tai là hoạt động khôi phục, cải thiện cơ sở vật chất, các hoạt động sinh kế, kinh doanh, điều kiện sống của cộng đồng bị tác động bởi thiên tai, được thực hiện sau khi thiên tai xảy ra. Các hoạt động được quy định tại Điều 30 - Hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai của Luật PCTT.



c. Một số ví dụ:

- Hoạt động phòng ngừa: Tập huấn nâng cao năng lực PCTT cho lãnh đạo, người lao động của doanh nghiệp; Lồng ghép các nội dung PCTT vào trong kế hoạch kinh doanh và phát triển doanh nghiệp; Diễn tập PCTT cho doanh nghiệp.

- Hoạt động ứng phó: Tổ chức các hoạt động cứu hộ, cứu nạn người, tài sản doanh nghiệp, tham gia hỗ trợ các hoạt động ứng phó theo phương án của địa phương.

- Hoạt động khắc phục hậu quả: Đánh giá thiệt hại, dọn dẹp vệ sinh môi trường, khắc phục và phục hồi nhanh sản xuất kinh doanh.

3. Công trình phòng, chống thiên tai

a. Khái niệm:

Công trình phòng chống thiên tai là công trình do Nhà nước, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng phục vụ phòng, chống thiên tai



Công trình PCTT bao gồm: Trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn, địa chấn, cảnh báo thiên tai; công trình đê điều, hồ đập, kè, chống úng, chống hạn, chống xâm nhập mặn, chống sạt lở, chống sụt lún đất, chống lũ quét, chống sét; khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền, nhà kết hợp sơ tán dân và công trình khác phục vụ phòng, chống thiên tai⁶.

b. Giải thích:

Các công trình dân sinh kinh tế (Nhà văn hoá, trường học, trụ sở các cơ quan, tổ chức,...) được kết hợp làm nơi sơ tán dân phải an toàn, kiên cố, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, vệ sinh cho mọi đối tượng người dân.

- Với gió bão, ATNĐ: Nhà kết hợp PCTT phải đảm bảo kỹ thuật theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng (Văn bản số 1145/BXD-KHCN ngày 28/5/2015 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn nhà an toàn theo các cấp bão);

- Với lũ, lụt: Nền nhà phải cao hơn mức nước lũ lịch sử tại địa phương.

4. Rủi ro thiên tai

a. Khái niệm:

Rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, cơ sở vật chất, điều kiện và môi trường sản xuất, dịch vụ của doanh nghiệp.

b. Giải thích:

Rủi ro thiên tai là thiệt hại có thể xảy ra theo 03 lĩnh vực (An toàn của con người; Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Vệ sinh, môi trường). Mỗi lĩnh vực sẽ được đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực PCTT theo khía cạnh (Cơ sở vật chất; Tổ chức doanh nghiệp; Nhận thức, kinh nghiệm của cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp, các đối tác) đối với từng loại thiên tai điển hình tại địa phương.

$$\text{RỦI RO THIÊN TAI} = \frac{\text{LOẠI HÌNH THIÊN TAI} \times \text{TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG}}{\text{NĂNG LỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI}}$$

⁶ Khoản 1, Điều 1, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều



Với mỗi loại hình thiên tai, rủi ro thiên tai sẽ giảm khi năng lực PCTT cao, tình trạng dễ bị tổn thương thấp và ngược lại.

c. Một số ví dụ:

- Rủi ro về an toàn, sức khỏe của cán bộ, người lao động: Công nhân, người lao động bị chết, bị thương do nhà xưởng đổ sập bởi bão, lũ lụt, dông lốc.

- Rủi ro về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

+ Doanh nghiệp về sản xuất nông nghiệp, lắp ráp thiết bị điện tử: Nhà xưởng có thể bị đổ sập, hư hỏng; Hệ thống, thiết bị, dây chuyền sản xuất bị hư hỏng, không hoạt động;..

+ Doanh nghiệp về xây dựng: Thiết bị, máy móc bị cuốn trôi (Máy xúc, máy đào, máy trộn bê tông,...); Vật tư bị hư hỏng do ngập nước.

- Rủi ro về vệ sinh, môi trường: Môi trường cộng đồng, doanh nghiệp bị ô nhiễm do hỏng bể chứa nước thải; hư hỏng và rò rỉ hoá chất,....

5. Cấp độ rủi ro thiên tai

a. Khái niệm:

Cấp độ rủi ro thiên tai là sự phân định mức độ thiệt hại do thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội⁷.

b. Giải thích:

Tiêu chí phân cấp độ rủi ro thiên tai bao gồm: Cường độ hoặc mức độ nguy hiểm của thiên tai; Phạm vi ảnh hưởng; Khả năng gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản, công trình hạ tầng và môi trường.

Cấp độ rủi ro của mỗi loại thiên tai được phân tối đa thành 5 cấp và được gắn với một màu đặc trưng, theo mức độ tăng dần của rủi ro thiên tai.

7 Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.



Màu sắc của cấp độ rủi ro thiên tai

Cấp độ rủi ro thiên tai	Màu sắc đặc trưng	Mức độ rủi ro
Cấp 1	Xanh dương nhạt	Nhỏ
Cấp 2	Vàng nhạt	Trung bình
Cấp 3	Da cam	Lớn
Cấp 4	Đỏ	Rất lớn
Cấp 5	Tím	Thảm họa

Căn cứ theo Quyết định 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ, cấp độ rủi ro thiên tai với một số thiên tai điển hình như sau:

- Bão, áp thấp nhiệt đới: Rủi ro thiên tai được phân thành 3 cấp (từ cấp 3 đến cấp 5).
- Lũ, ngập lụt: Rủi ro thiên tai được phân thành 5 cấp (từ cấp 1 đến cấp 5).
- Lốc, sét, mưa đá: Rủi ro thiên tai được phân thành 2 cấp (cấp 1 và cấp 2).
- Mưa lớn: Rủi ro thiên tai được phân thành 4 cấp (từ cấp 1 đến cấp 4).

Cấp độ rủi ro thiên tai với các loại hình thiên tai khác được quy định cụ thể tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai (Chi tiết tại Phụ lục 2)



6. Tình trạng dễ bị tổn thương

a. Khái niệm:

Tình trạng dễ bị tổn thương là đặc điểm, hoàn cảnh của doanh nghiệp (Nhân lực, cơ chế tổ chức, cơ sở vật chất, đối tác) dễ bị thiệt hại bởi thiên tai, biến đổi khí hậu, bao gồm những diễn biến và hình thái khí hậu cực đoan

b. Giải thích:

Đặc điểm, hoàn cảnh của doanh nghiệp là:

- Đặc điểm: Quy mô tổ chức, sản xuất; Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.
- Hoàn cảnh: Môi trường, thị trường kinh doanh; Khả năng tiếp cận tài chính, khoa học công nghệ.
- Đối tác: Khách hàng, nhà cung cấp, thị trường.

Tình trạng dễ bị tổn thương (hay còn gọi là điểm yếu, điểm hạn chế) được đánh giá về: Cơ sở vật chất; Tổ chức doanh nghiệp; Kinh nghiệm, kiến thức, thái độ, động cơ.

- Cơ sở vật chất: Nhà xưởng, kho tàng; Máy móc thiết bị; Sản phẩm, dịch vụ; Ứng dụng khoa học công nghệ; Nguyên vật liệu; Tài chính.
- Tổ chức doanh nghiệp: Cơ chế tổ chức, nhân lực (Số lượng, được cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ), đối tác.
- Kinh nghiệm, kiến thức, thái độ, động cơ của Lãnh đạo doanh nghiệp, cán bộ, người lao động của doanh nghiệp.

c. Một số ví dụ:

- Nhân lực: và chất lượng (Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ trong PCTT)
- Cơ chế tổ chức: Doanh nghiệp có phương án ứng phó thiên tai chưa? Phương án ứng phó có sát với thực tiễn và khả thi? Có tổ chức diễn tập PCTT chưa? Có phối hợp chặt chẽ với địa phương trong PCTT của địa phương?



- Cơ sở vật chất: Nhà xưởng xây không đúng tiêu chuẩn, hoặc xuống cấp không an toàn với bão, áp thấp nhiệt đới; Dây chuyền sản xuất được đặt thấp nên dễ bị hư hỏng do ngập lụt; Hệ thống điện không an toàn; Hệ thống thoát hiểm không hoạt động; Doanh nghiệp có đủ vật tư, trang thiết bị để ứng phó thiên tai (Máy bơm nước chống ngập, bao tải cát,...).

- Đối tác là tất cả các biểu hiện trong các mối quan hệ hợp tác mà có thể dẫn đến tác động bất lợi cho doanh nghiệp (Khách hàng, nhà cung cấp, thi trường).

7. Năng lực phòng chống thiên tai

a. Khái niệm:

Năng lực PCTT của doanh nghiệp là tổng hợp tất cả các nguồn lực, phương tiện, thế mạnh hiện đang có trong các bộ phận và của doanh nghiệp (Nhân lực, cơ chế tổ chức, cơ sở vật chất, đối tác) có thể sẵn sàng sử dụng để ứng phó, khắc phục hậu quả và nhanh chóng phục hồi sau thiên tai.

b. Giải thích:

- Năng lực phòng, chống thiên tai là khả năng chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ”, khắc phục hậu quả nhanh chóng, hiệu quả, trong đó lấy phòng tránh là chính.

- Năng lực phòng, chống thiên tai (hay còn gọi là điểm mạnh) được xác định trên cơ sở đánh giá điểm mạnh: Cơ sở vật chất; Tổ chức doanh nghiệp; Kinh nghiệm, kiến thức, thái độ, động cơ.

+ Cơ sở vật chất: Nhà xưởng, kho tàng; Máy móc thiết bị; Sản phẩm, dịch vụ; Ứng dụng khoa học công nghệ; Nguyên vật liệu; Tài chính.

+ Tổ chức doanh nghiệp: Cơ chế tổ chức, nhân lực (Số lượng, được cung cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ), đối tác.

+ Kinh nghiệm, kiến thức, thái độ, động cơ của Lãnh đạo doanh nghiệp, cán bộ, người lao động của doanh nghiệp.



- Trước khi xảy ra thiên tai, các doanh nghiệp cần chủ động đánh giá rủi ro thiên tai để hỗ trợ xây dựng phương án, kế hoạch, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư dự phòng nhằm đảm bảo ứng phó với thiên tai.

c. Một số ví dụ:

- Cơ sở vật chất: Nhà xưởng có an toàn với bão, áp thấp nhiệt đới; dây chuyền sản xuất được bố trí nơi cao hơn mức nước ngập lịch sử, doanh nghiệp có đủ vật tư, trang thiết bị để ứng phó thiên tai (Máy bơm nước chống ngập, bao tải cát,...), trang thiết bị cho lực lượng ứng phó như: áo phao, đèn pin, áo mưa,....

- Tổ chức doanh nghiệp: Doanh nghiệp có phương án ứng phó thiên tai chưa? Phương án ứng phó có sát với thực tiễn và khả thi? Có tổ chức diễn tập PCTT chưa? Có phối hợp chặt chẽ với địa phương trong PCTT của địa phương không?

- Nhận thức, kinh nghiệm: Đội ngũ cán bộ, người lao động của doanh nghiệp có kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm PCTT chưa?

8. Khả năng phục hồi sau thiên tai:

a. Khái niệm:

Khả năng phục hồi sau thiên tai là các hoạt động nhằm khắc phục hậu quả thiên tai, giúp cho doanh nghiệp bị tổn thương sớm ổn định, khôi phục sản xuất và sớm trở lại trạng thái hoạt động bình thường.

b. Giải thích:

Khả năng phục hồi là năng lực của doanh nghiệp có thể khắc phục hậu quả thiên tai sớm, hiệu quả, có khả năng thích ứng tốt khi đối diện với rủi ro thiên tai và khôi phục sản xuất sớm sau thiên tai.

II. HỆ THỐNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

1. Hệ thống phòng chống thiên tai Việt Nam

Hệ thống phòng chống thiên tai Việt Nam được tổ chức từ cấp Trung ương đến địa phương, bao gồm (Sơ đồ Hệ thống PCTT tại Phụ lục 3):



a. Cấp Trung ương:

- Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai,

Tổng cục Phòng chống thiên tai là Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai

- Ủy ban Quốc gia Ứng phó Sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

Cục Cứu hộ cứu nạn là Văn phòng Ủy ban Quốc gia Ứng phó Sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn

b. Cấp Bộ:

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp Bộ

- Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp bộ: Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ giao cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý về phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi quản lý và kiêm nhiệm vụ Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

c. Cấp tỉnh:

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập bộ phận chuyên trách thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm nhiệm vụ Văn phòng thường trực của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

d. Cấp huyện:

- Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện

- Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao trách nhiệm cho một phòng chức năng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện làm nhiệm vụ



Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

e. Cấp xã:

- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã
- Bộ phận thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã: UBND xã sử dụng một số cán bộ chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã làm bộ phận thường trực.

Tại cấp xã, nhiều địa phương đã thành lập các Tổ Phòng chống thiên tai cấp thôn nhằm hỗ trợ cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã triển khai các hoạt động đến cộng đồng.

1.1. Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai:

a. Cơ cấu tổ chức:

Căn cứ Khoản 2 điều 18, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai gồm các thành viên:

- Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban;
- Các Phó Trưởng ban, gồm:
 - + Phó Trưởng ban thường trực là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
 - + 01 lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
 - + Tổng Cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai;
- Các ủy viên gồm: Bộ trưởng các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và đại diện lãnh đạo một số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam; Tổng cục trưởng Tổng cục Phòng, chống thiên tai, Chánh văn phòng Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn;



- Căn cứ yêu cầu công tác, Trường ban Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai quyết định mời đại diện lãnh đạo các cơ quan và tổ chức có liên quan: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và các cơ quan, tổ chức liên quan khác tham gia Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai.

b. Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai quy định tại khoản 4 điều 18, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 (Chi tiết tại Phụ lục 4)

1.2. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

a. Cơ cấu tổ chức:

- Căn cứ Khoản 1 điều 19, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP, các Bộ: Quốc phòng, Công an, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp bộ.

b. Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được quy định tại khoản 5 điều 19, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

1.3. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp địa phương

a. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh

Tại khoản 2, Điều 20, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh gồm các thành viên sau:



- Trưởng ban: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Phó Trưởng ban:
 - + Phó Trưởng ban thường trực là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
 - + Phó Trưởng ban phụ trách công tác phòng, chống thiên tai là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
 - + Phó Trưởng ban 3: Tùy theo điều kiện cụ thể từng địa phương, Chỉ huy Trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn trên đất liền; Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác cứu hộ, cứu nạn trên biển và biên giới;
- Các ủy viên gồm: Giám đốc hoặc đại diện lãnh đạo các sở, ngành có liên quan đến công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Hội Chữ thập đỏ, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể - xã hội cấp tỉnh tham gia thành viên Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh.

b. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện

Tại khoản 2 điều 21, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện gồm các thành viên sau:

- Trưởng ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Phó Trưởng ban:
 - + Phó Trưởng ban thường trực là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
 - + Trưởng phòng hoặc thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai; Trưởng Công an huyện và Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện làm Phó Trưởng ban;



- Các ủy viên là cấp trưởng hoặc đại diện lãnh đạo các phòng và cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương; lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Chữ thập đỏ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức đoàn thể xã hội cấp huyện tham gia Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

c. Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã

Tại khoản 2 điều 22, Nghị định số 160/2018/NĐ-CP, Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã gồm các thành viên sau:

- Trưởng ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Phó trưởng ban:

+ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Phó Trưởng ban thường trực.

+ Phó trưởng ban 2: Trưởng Công an xã làm Phó Trưởng ban.

+ Phó trưởng ban 3: Xã đội trưởng làm Phó Trưởng ban phụ trách lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã.

- Các ủy viên là cán bộ thủy lợi, nông nghiệp, trưởng các tổ chức chính trị và đoàn thể của xã.

- Công chức xã làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai kiêm Ủy viên thường trực Ban chỉ huy PCTT&TKCN.

2. Hệ thống văn bản pháp luật về phòng chống thiên tai liên quan đến doanh nghiệp

2.1. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14 ngày 17/6/2020

a. Điều 5. Chính sách của Nhà nước trong phòng, chống thiên tai

- Khoản 4. Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chủ động thực hiện biện pháp phòng, chống thiên tai; khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình, nghiên cứu và áp dụng tiến bộ khoa



học, công nghệ vào hoạt động phòng, chống thiên tai. Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống thiên tai.

- Khoản 5. Ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm kinh doanh bảo hiểm rủi ro thiên tai; hỗ trợ đối với doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất, kinh doanh ở vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về phòng, chống thiên tai; chính sách miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản đóng góp cho phòng, chống thiên tai.

b. Điều 6. Nguồn lực cho phòng, chống thiên tai (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14)

- Mục a khoản 1: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn là lực lượng tại chỗ thực hiện hoạt động phòng, chống thiên tai.

- Mục d khoản 1: Tổ chức, cá nhân tình nguyện tham gia hỗ trợ hoạt động phòng, chống thiên tai thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai theo sự chỉ huy của người có thẩm quyền.

c. Điều 7. Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đề điều số 60/2020/QH14).

Khoản 1: Vật tư, phương tiện, trang thiết bị cho hoạt động phòng, chống thiên tai bao gồm vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai và vật tư, phương tiện, trang thiết bị khác của Nhà nước; huy động của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự chuẩn bị.

d. Điều 12. Các hành vi bị cấm

- Lợi dụng thiên tai và hoạt động phòng, chống thiên tai gây phương



hại đến độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, quốc phòng, an ninh và lợi ích khác của quốc gia; gây mất trật tự xã hội; xâm hại tài sản của Nhà nước và nhân dân, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng và thực hiện các hoạt động trái pháp luật khác.

- Phá hoại, làm hư hại, cản trở sự vận hành của công trình phòng, chống thiên tai.

- Vận hành hồ chứa thủy lợi, hồ chứa thủy điện, cống, trạm bơm không đúng quy trình được phê duyệt, trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo chỉ đạo của người có thẩm quyền.

- Thực hiện hoạt động làm tăng rủi ro thiên tai mà không có biện pháp xử lý, khắc phục, đặc biệt là chặt phá rừng phòng hộ, lấn chiếm bãi sông, lòng sông, tạo vật cản, cản trở dòng chảy, khai thác trái phép cát, sỏi, khoáng sản gây sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Chống đối, cản trở, cố ý trì hoãn hoặc không chấp hành sự chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

- Chống đối, cản trở hoặc không chấp hành quyết định huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó khẩn cấp thiên tai của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

- Lợi dụng thiên tai đầu cơ nâng giá hàng hóa, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để trục lợi, gây thiệt hại tới đời sống dân sinh.

- Sử dụng sai mục đích, chiếm dụng, làm thất thoát tiền và hàng cứu trợ; cứu trợ không kịp thời, không đúng đối tượng.

- Cố ý đưa tin sai sự thật về thiên tai và hoạt động phòng, chống thiên tai.

- Cố ý báo cáo sai sự thật về thiệt hại do thiên tai gây ra.



e. Điều 19. Bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai đối với việc đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Địa chất và Địa kỹ thuật số 60/2020/QH14).

- Chủ đầu tư khi lập và thực hiện dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác phải bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai, bao gồm:

+ Hạn chế đến mức thấp nhất hoặc không làm tăng nguy cơ rủi ro thiên tai và bảo đảm tính ổn định của công trình trước thiên tai.

+ Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về xây dựng và pháp luật về quy hoạch.

- Người quyết định đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định nội dung bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong hồ sơ dự án đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, chỉnh trang khu đô thị; điểm du lịch, khu du lịch; khu công nghiệp; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực và công trình hạ tầng kỹ thuật khác trước khi phê duyệt dự án và quyết định đầu tư.

g. Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế.

- Tổ chức kinh tế có quyền sau đây:

+ Được trả công lao động, hoàn trả hoặc bồi thường vật tư, phương tiện, trang thiết bị tham gia ứng phó khẩn cấp thiên tai đối với cộng đồng theo lệnh huy động của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Tham gia đầu tư dự án xây dựng công trình phòng, chống thiên tai kết hợp đa mục tiêu theo quy hoạch, kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương và được khai thác lợi ích do



việc đầu tư mang lại theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kinh tế có nghĩa vụ sau đây:

+ Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất của mình và tổ chức sản xuất, kinh doanh bảo đảm an toàn trước thiên tai.

+ Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng, chống thiên tai.

+ Khi đầu tư xây dựng công trình phải áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trước rủi ro thiên tai; chấp hành quy định về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

+ Tham gia chương trình thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống thiên tai; nâng cao kiến thức về phòng, chống thiên tai; tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai theo kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương.

+ Chấp hành sự hướng dẫn, chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc thực hiện biện pháp phòng, chống thiên tai.

+ Chấp hành lệnh huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ hoạt động ứng phó tình huống khẩn cấp.

+ Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý của mình khi bị tác động của thiên tai.

+ Tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai tại địa phương trong khả năng của mình.

+ Đóng góp vào Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định của Chính phủ.

2.2. Nghị định Nghị định số 83/2019/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 94/2014/NĐ-CP quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai

a. Điều 5. Đối tượng và mức đóng góp, tại điểm 1 nêu:



Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn: Mức đóng góp bắt buộc một năm là hai phần vạn trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Điều 6. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp:

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị; phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 5 ngày trở lên.

Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp: Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ.

c. Điều 7. Thẩm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đối với các đối tượng được quy định tại Điều 6 Nghị định này.

- Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ của địa phương được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất chính quyền địa phương để tổng hợp gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

d. Điều 8. Quản lý thu, kế hoạch thu chi quỹ

Tại khoản 6: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn việc lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu Quỹ đối với từng cơ quan, đơn vị có liên quan; Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có



trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho cơ quan quản lý Quỹ.”

e. Điều 9. Quy định về nội dung chi Quỹ

- Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 10 Luật Phòng, chống thiên tai và các hoạt động sau đây:

+ Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 3 tỷ đồng/1 công trình.

+ Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai.

+ Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

- Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ nhưng không vượt quá



3% tổng số thu.

g. Điều 9a. Phân bổ Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh

- Căn cứ nội dung chi của Quỹ tại khoản 1 Điều 9 của Nghị định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp và giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sử dụng nguồn thu từ Quỹ phòng, chống thiên tai nhưng tối đa không quá 20% số thu trên địa bàn cấp huyện, xã để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ở cấp của mình.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế hoạt động, hướng dẫn nội dung chi, mức chi và việc quản lý, sử dụng Quỹ, bao gồm cả phần kinh phí giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai.

m. Điều 15. Nghĩa vụ của Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn và cá nhân có nghĩa vụ đóng góp Quỹ

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn và cá nhân quy định tại Điều 5 Nghị định này có nghĩa vụ đóng góp cho Quỹ theo quy định.



PHẦN III:
HƯỚNG DẪN PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI
CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ



I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM VỀ DOANH NGHIỆP:

1. Tổ chức kinh tế:

Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên kết hợp tác xã và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh (Căn cứ khoản 21 điều 3 của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14).

2. Doanh nghiệp vừa và nhỏ:

Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- Doanh nghiệp siêu nhỏ:

+ Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng: có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 03 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 03 tỷ đồng.

+ Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ: có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp nhỏ:

+ Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng: có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ.

+ Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ: có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ.

- Doanh nghiệp vừa:



+ Trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và lĩnh vực công nghiệp, xây dựng: có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ.

+ Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ.

3. Chuỗi giá trị:

Chuỗi giá trị là mạng lưới liên kết tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm hoặc dịch vụ, bao gồm các giai đoạn tiếp nối nhau từ hình thành ý tưởng, thiết kế, sản xuất, phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.

4. Chuỗi cung ứng:

- Chuỗi cung ứng là sự kết nối tất cả các bên đối tác, nguồn lực, doanh nghiệp & các hoạt động liên quan đến việc phân phối sản phẩm, thông qua đó, sản phẩm đến tay người tiêu dùng.

- Chuỗi cung ứng tạo ra các liên kết giữa các kênh đối tác như: Nhà cung cấp, nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà bán lẻ và khách hàng.

5. Chuỗi phân phối sản phẩm:

Chuỗi phân phối sản phẩm là mạng lưới các trung gian thực hiện phân phối sản phẩm của doanh nghiệp vừa và nhỏ đến người tiêu dùng do các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh thực hiện.

6. Cụm liên kết ngành:

Cụm liên kết ngành là hình thức liên kết giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành và doanh nghiệp, tổ chức có liên quan cùng hợp tác và cạnh tranh.



II. PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG CHÂM 04 TẠI CHỖ:

1. Chỉ huy tại chỗ:

Trước khi thiên tai xảy ra, lãnh đạo doanh nghiệp phải dự tính trước những vấn đề có thể xảy ra đối với doanh nghiệp mình; Kiểm tra, thống kê lại những phương tiện, vật tư, các nhu yếu phẩm thiết yếu đã có hoặc phải chuẩn bị thêm để đối phó với thiên tai; Phân công nhiệm vụ cho các cán bộ/bộ phận chuyên trách hay kiêm nhiệm thực hiện chuẩn bị trước. Trong thiên tai lãnh đạo doanh nghiệp có nhiệm vụ chỉ đạo doanh nghiệp ứng phó với thiên tai.

1.1. Trước khi thiên tai:

- Chủ động theo dõi sát sao tình hình thiên tai, điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực của doanh nghiệp và các trọng điểm dễ bị ảnh hưởng của thiên tai (Các trọng điểm được nhận diện trong đánh giá rủi ro thiên tai đối với doanh nghiệp).
- Phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ/bộ phận chuyên trách hay kiêm nhiệm trong doanh nghiệp.
- Chủ động, phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh hoặc phân phối sản phẩm; Các đối tác cung cấp nguyên vật liệu sản xuất, kinh doanh; Các đối tác trong cụm liên kết ngành, chuỗi cung ứng.
- Tổ chức tập huấn, truyền thông nâng cao nhận thức, năng lực chuyên môn về phòng chống thiên tai cho cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp và nâng cao năng lực phối hợp với các đối tác liên quan.
- Chỉ đạo lên các phương án ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại về người, cơ sở vật chất, nhà xưởng, kho hàng, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất, gián đoạn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt các hoạt động:
 - + Sơ tán con người.



- + Di dời/kê cao nguyên vật liệu, phương tiện, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất,.....
- + Cát giữ, sao lưu, bảo vệ các hồ sơ quan trọng (hồ sơ và hợp đồng, hồ sơ ngân hàng, danh sách các cung cấp, phân phối sản phẩm, chứng từ, sổ sách...).
- + Chuẩn bị dự phòng pin (đèn pin, radio) hoặc xăng/dầu (máy phát điện) để đảm bảo nguồn điện cho các thiết bị theo dõi, cập nhật thường xuyên thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai, thông tin từ địa phương; Tiếp nhận, cung cấp thông tin giữa các thành viên trong lực lượng PCTT doanh nghiệp hoặc với lực lượng địa phương.
- + Chuẩn bị phương tiện, trang thiết bị, thời điểm và hậu cần phục vụ công tác sơ tán, di dời trong những trường hợp khẩn cấp.

1.2. Trong khi thiên tai:

- Lãnh đạo doanh nghiệp phải bám sát phương án đã xây dựng để ra quyết định tại chỗ theo tình hình thực tế.
- Chủ động theo dõi sát tình hình thiên tai, các bộ phận sản xuất có khả năng bị ảnh hưởng hoặc gặp nguy hiểm cần hỗ trợ khẩn cấp để điều phối hợp lý nguồn lực hỗ trợ (con người, phương tiện, nhu yếu phẩm,..) của doanh nghiệp hoặc yêu cầu hỗ trợ từ lực lượng tại chỗ, lực lượng chuyên trách của địa phương.
- Chỉ đạo cán bộ, người lao động hoặc bộ phận chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác phòng, chống thiên tai của doanh nghiệp (Sau đây gọi là lực lượng PCTT doanh nghiệp) triển khai các hoạt động gia cố cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất. Cụ thể:
 - + Gia cố mái, cửa kính văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, biển quảng cáo để tránh thiệt hại, gây nguy hiểm cho cán bộ, người lao động và cộng đồng do bão, ATNĐ, giông, lốc, mưa đá (Sập, đổ, tốc mái, hư hại)
 - + Nâng cao nền để tránh hư hại do lũ, ngập lụt: Các dây chuyền sản



xuất, lắp ráp; Kho chứa hàng hoá, sản phẩm, trang thiết bị; Gian trưng bày, bán phẩm.

+ Phối hợp với lực lượng tại chỗ, chuyên trách của địa phương sơ tán cán bộ, người lao động; Sơ tán người dân, cứu hộ các công trình phòng, chống thiên tai đang bị sự cố,...theo phân công trong phương án ứng phó thiên tai của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh hoặc phân phối sản phẩm.

- Chỉ đạo hỗ trợ cung cấp lương thực, thuốc men, chăn màn quần áo cho gia đình cán bộ, người lao động và người dân tại các điểm sơ tán.

- Chỉ đạo trực tiếp lực lượng PCTT doanh nghiệp, phối hợp với lực lượng địa phương tuần tra canh gác chống trộm cắp tài sản của doanh nghiệp.

1.3. Sau khi thiên tai:

- Chỉ đạo thu thập, cập nhật thông tin thiệt hại, nhu cầu khắc phục hậu quả của các bộ phận doanh nghiệp; nhu cầu hỗ trợ của các cá nhân, gia đình cán bộ, người lao động và có phương án đối phó kịp thời, hiệu quả.

- Chỉ đạo sửa chữa, tu bổ lại các công trình thiết yếu; Khôi phục các dịch vụ thiết yếu như nước sạch, điện, nguyên vật liệu, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất,...; Di chuyển máy móc, thiết bị về vị trí sản xuất và lắp đặt đúng quy định để sớm khôi phục sản xuất kinh doanh.

- Chỉ đạo hoặc yêu cầu trợ giúp các hoạt động vệ sinh môi trường, dọn dẹp đường sá, hoá chất độc hại, vật liệu nguy hiểm và khai thông các hệ thống thoát nước.

- Kết nối thông tin liên lạc với khách hàng, đối tác cung cấp nguyên vật liệu, phân phối sản phẩm nhằm tiếp tục sản xuất kinh doanh.

- Rà soát, đánh giá, cập nhật chiến lược, kế hoạch kinh doanh, phương án ứng phó thiên tai để nâng cao khả năng phục hồi sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau thiên tai



2. Lực lượng tại chỗ:

Trong công tác phòng chống thiên tai, lực lượng PCTT doanh nghiệp là lực lượng tại chỗ, bao gồm các cán bộ, người lao động có sức khỏe, nhanh nhẹn để có thể ứng phó trong thiên tai bảo đảm an toàn về người, tài sản của doanh nghiệp và sẵn sàng hỗ trợ chính quyền địa phương khi cần huy động.

2.1. Trước khi thiên tai:

- Xác định lực lượng PCTT doanh nghiệp, gồm các cán bộ, người lao động và các lực lượng dự bị (khi cần thiết) là lực lượng tại chỗ.
- Phân công, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, từng bộ phận kèm theo phương tiện, vật tư cần thiết.
- Kiểm tra độ an toàn: Hệ thống điện, hệ thống cung cấp nước, thiết bị phun nước dập lửa, cơ chế đóng ngắt hệ thống sưởi-thông gió và hệ thống điều hoà không khí, hệ thống báo động, thiết bị an ninh, lối ra/vào toà nhà, lối thoát hiểm cho người, hàng hoá, thiết bị.
- Kiểm tra tính sẵn sàng các thiết bị liên lạc của các thành viên lực lượng PCTT doanh nghiệp.
- Rà soát, kiểm tra thông tin liên lạc (số điện thoại, email,...) của các thành viên trong lực lượng PCTT doanh nghiệp, các lực lượng địa phương, các đối tác, khách hàng; Thống nhất cách thức sẽ liên lạc giữa các thành viên lực lượng PCTT doanh nghiệp, với các cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp, khách hàng, các đối tác trong chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong thiên tai, đặc biệt trong trường hợp khẩn cấp
- Nếu doanh nghiệp có điều kiện thì diễn tập (diễn tập cơ chế, diễn tập thực binh) rèn luyện kỹ năng phòng, chống thiên tai của cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp; Kiểm tra tính sẵn sàng của lực lượng PCTT doanh nghiệp và tính khả thi của phương án ứng phó thiên tai của doanh nghiệp.

Hoạt động diễn tập có thể thực hiện theo 02 hình thức:

- + Doanh nghiệp tự tổ chức diễn tập PCTT và cung cấp phương án ứng phó thiên tai của doanh nghiệp cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh hoặc phân phối sản phẩm.
- + Doanh nghiệp phối hợp tổ chức diễn tập PCTT hàng năm của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh hoặc phân phối sản phẩm. Các nội dung, hoạt động trong phương án ứng phó thiên tai của doanh nghiệp sẽ bao gồm trong hoạt động chung của địa phương.



Chuẩn bị ứng phó với thiên tai

2.2. Trong khi thiên tai:

- Lực lượng PCTT doanh nghiệp thực hiện các hoạt động ứng phó theo đúng phương án.
- Theo dõi sát thông tin, tình hình hư hỏng, thiệt hại (nếu có) các trọng điểm dễ bị ảnh hưởng của thiên tai của doanh nghiệp để ứng phó kịp thời.
- Theo dõi, cập nhật thường xuyên thông tin dự báo, cảnh báo, tình hình thiên tai để chủ động ứng phó theo phương án và kịp thời báo cáo, ứng phó nếu phát sinh tình huống khẩn cấp.
- Thường xuyên cập nhật thông tin về các hoạt động ứng phó, tình



hình hư hỏng, thiệt hại, hoạt động khắc phục hậu quả sau thiên tai của doanh nghiệp với Lãnh đạo doanh nghiệp và Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh hoặc phân phối sản phẩm.



Thực hiện dọn dẹp khắc phục hậu quả sau thiên tai

2.3. Sau khi thiên tai:

- Tiếp tục cập nhật thông tin thiệt hại của các bộ phận với Lãnh đạo doanh nghiệp và tình hình thiệt hại chung của doanh nghiệp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh hoặc phân phối sản phẩm.
- Tiếp tục cung cấp và tìm kiếm nguồn lương thực, thuốc men,... để hỗ trợ gia đình các cán bộ, người lao động và cộng đồng người dân (nếu có thể).
- Chủ động, phối hợp triển khai các hoạt động vệ sinh môi trường, dọn dẹp đường sá, hoá chất độc hại, vật liệu nguy hiểm và khai thông các hệ thống thoát nước.
- Chủ động khôi phục các dịch vụ thiết yếu như nước sạch, điện, nguyên vật liệu, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất,... để sớm khôi phục sản xuất kinh doanh.



3. Phương tiện, vật tư tại chỗ:

Doanh nghiệp phải chuẩn bị các phương tiện, vật tư để có thể tự cứu hộ, di dời (áo phao, đèn pin, máy phát điện, xe ô tô, xe máy, thuyền, xuồng, ghe, vật tư chằng chống nhà xưởng, nhà kho,...(Bao tải, cát, dây thừng, dây thép,..., các trang thiết bị cho lực lượng PCTT doanh nghiệp,...). Đối với cán bộ, người lao động của doanh nghiệp chủ động phương tiện và vật tư cho gia đình mình (áo phao, đèn pin, xe máy, thuyền, ghe,...).

3.1. Trước khi thiên tai:

- Căn cứ thông tin dự báo, cảnh báo, tình hình thiên tai, chủ động bố trí, dự phòng các loại phương tiện, vật tư cần thiết.
- Lên danh sách các trang thiết bị, phương tiện, vật tư sẵn có, đồng thời có kế hoạch bổ sung nếu cần thiết.
- Kiểm tra chức năng hoạt động của các phương tiện và có phương án sửa chữa trước thiên tai.

3.2. Trong khi thiên tai:

- Huy động, linh hoạt sử dụng các phương tiện, vật tư đã lên danh sách từ trước.
- Sẵn sàng phương tiện sơ tán người của doanh nghiệp và di dời/di chuyển lên cao kịp thời các vật tư sản xuất, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất,... tránh ảnh hưởng bởi thiên tai (đặc biệt là bão, ATNĐ, lũ, ngập lụt).

3.3. Sau khi thiên tai:

- Khôi phục các dịch vụ thiết yếu như nước sạch, điện, nguyên vật liệu, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất,... để sớm khôi phục sản xuất kinh doanh: Sử dụng các phương tiện, vật tư tại chỗ hoặc hỗ trợ từ Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh hoặc phân phối sản phẩm.
- Huy động phương tiện, vật tư tại chỗ dọn dẹp, vệ sinh môi trường



trong phạm vi doanh nghiệp và hỗ trợ người dân sinh sống gần doanh nghiệp: Dọn dẹp cây đổ, vật liệu hư hỏng, rác, bùn đất...

4. Hậu cần tại chỗ:

Doanh nghiệp phải chuẩn bị đầy đủ các nhu yếu phẩm thiết yếu: Lương thực, thực phẩm, thuốc men, nước sạch, xăng/dầu cho máy phát điện,.....). Đối với cán bộ, người lao động của doanh nghiệp chủ động các nhu yếu phẩm cần thiết để có thể tự chăm sóc bản thân, cho gia đình mình.

Số lượng nhu yếu phẩm phải đảm bảo đủ dùng trong khoảng thời gian tương ứng với thời gian kéo dài của những trận thiên tai đã từng xảy ra ở địa phương hoặc ít nhất phải đảm bảo trong khoảng thời gian thiên tai xảy ra mà chưa có sự cứu trợ.

Đối với doanh nghiệp, hộ gia đình: Nhu yếu phẩm cần chú ý đến nhu cầu của phụ nữ/trẻ em gái, người cao tuổi, người khuyết tật trong gia đình hoặc là người lao động trong doanh nghiệp.

4.1. Trước khi thiên tai:

- Doanh nghiệp chủ động dự trữ lương thực, thuốc men, nước, xăng dầu và các vật dụng cần thiết.
- Đảm bảo dự trữ nước uống, lương thực, xăng dầu phải đủ trong ít nhất là 07 ngày trong trường hợp khẩn cấp.

4.2. Trong khi thiên tai:

- Phân bổ, hỗ trợ lương thực, thuốc men, nước uống cho các cán bộ, người lao động, gia đình cán bộ, người lao động và người dân tại điểm sơ tán (Nếu có thể).
- Theo dõi tình hình các cán bộ, người lao động cần hỗ trợ khẩn cấp.

4.3. Sau khi thiên tai:

- Tiếp tục hỗ trợ lương thực, thuốc men,... cho cán bộ, người lao động, người dân nếu cần thiết.
- Xây dựng/cập nhật phương án phục hồi sản xuất nhanh cho doanh nghiệp.



III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP:

1. Hoạt động: Đánh giá rủi ro thiên tai đối với doanh nghiệp

a. Người đánh giá:

- Lãnh đạo doanh nghiệp
- Lực lượng PCTT doanh nghiệp.

b. Người được đánh giá:

- Lãnh đạo các bộ phận, cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp.
- Lãnh đạo hoặc đại diện các đối tác trong chuỗi cung ứng
- Đại diện khách hàng.

c. Thời gian đánh giá:

Trước mùa thiên tai hàng năm. Thời gian cần căn cứ vào loại hình thiên tai, thời gian thường xảy ra với mỗi địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở.

d. Cách thức thực hiện:

- Hoạt động riêng:

+ Phối hợp với các đối tác trong chuỗi cung ứng thực hiện các hoạt động đánh giá rủi ro thiên tai.

+ Gửi báo cáo đánh giá rủi ro cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh

- Hoạt động chung:

Phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh tổ chức thực hiện đánh giá rủi ro chung của địa phương.

e. Nội dung đánh giá:



BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

- Thông tin các loại hình thiên tai tại địa phương.
- + Loại hình thiên tai điển hình tại địa phương.
- + Đặc điểm, xu hướng mỗi loại hình thiên tai điển hình.

Loại thiên tai	Dấu hiệu cảnh báo	Thời điểm cảnh báo	Tốc độ diễn ra	Tần suất xuất hiện	Thời điểm xuất hiện	Thời đoạn xảy ra
Bão						
ATNĐ						
Lũ						
.....						

- Loại hình thiên tai: Danh mục này có thể nhận biết từ các tài liệu lịch sử và từ nhận thức của người dân địa phương như bão, lũ..., theo Luật PCTT và Quyết định 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021
- Cấp độ rủi ro thiên tai: Theo lịch sử thiên tai ở địa phương và Quyết định 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021
- Các dấu hiệu cảnh báo: là các dấu hiệu khoa học, tự nhiên hoặc mang tính kinh nghiệm địa phương cho thấy thiên tai có thể xảy ra.
- Thời gian cảnh báo trước: là thời gian từ khi đưa ra cảnh báo cho tới khi có các tác động của thiên tai (khoảng thời gian từ khi biết một thiên tai sắp xảy ra cho đến khi thiên tai đó thực sự xảy ra)
- Tốc độ xảy ra thiên tai: là tốc độ khi thiên tai tới và gây ra tác động. Có thể phân biệt giữa các thiên tai xảy ra mà hầu như không có dấu hiệu nào cảnh báo trước (động đất) và loại thiên tai mà có thể dự báo trước khi nó xảy ra từ 3 đến 4 ngày (bão) tới loại thiên tai diễn ra chậm như hạn hán có thể mất vài tháng để hình thành
- Tần suất: Thiên tai có thường xuyên xảy ra hay không? có dự báo được không? Xảy ra theo mùa? Xảy ra theo năm? ...



- Thời điểm xảy ra: thiên tai xảy ra vào một thời điểm cụ thể nào đó trong năm ? hay vào một tháng nào đó ?,...
- Thời đoạn xảy ra: Thời gian xảy ra thiên tai trong vòng bao lâu, vài phút (đối với động đất) hay vài ngày/ vài tuần/ vài tháng (đối với hạn hán)?

- Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương

+ Nội dung đánh giá với 03 nhóm:

- Cơ sở vật chất
- Nhân lực: Số lượng
- Nhà xưởng, kho tàng
- Máy móc thiết bị
- Sản phẩm, dịch vụ
- Nguyên vận liệu
- Tài chính

+ Cơ chế tổ chức

- Cơ chế phối hợp giữa các bộ phận trong doanh nghiệp
- Quyết định thành lập, phân giao nhiệm vụ và cơ chế phối hợp giữa các thành viên trong lực lượng PCTT doanh nghiệp.
- Cơ chế phối hợp trong PCTT giữa lực lượng PCTT doanh nghiệp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN địa phương, đối tác trong chuỗi cung ứng.
- Cơ chế, hợp tác với các đối tác trong chuỗi cung ứng: Các điều khoản thoả thuận, cam kết của doanh nghiệp với các đối tác, khách hàng để giảm thiểu thiệt hại cho doanh nghiệp khi có thiên tai (Các điều khoản đền bù do hàng không đủ số lượng, thời gian giao hàng kéo dài,....)



- Cơ chế, chính sách với khách hàng: Các chính sách, cam kết với khách hàng về số lượng, thời gian, địa điểm, phương tiện giao hàng,...
- Thị trường: Những biến động về thị trường do tác động của thiên tai (phạm vi, sức mua,...)
- Phương án ứng phó thiên tai của doanh nghiệp.
- Lòng ghép nội dung PCTT vào chiến lược, kế hoạch phát triển doanh nghiệp.

+ Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ

- Lãnh đạo doanh nghiệp
- Lãnh đạo các bộ phận của doanh nghiệp
- Lực lượng PCTT doanh nghiệp
- Cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp
- Các đối tác trong chuỗi cung ứng

- Năng lực phòng chống thiên tai:

Năng lực phòng chống thiên tai là các điểm mạnh, khả năng huy động, mức độ chủ động trong các doanh nghiệp được đánh giá theo 03 nhóm nội dung như đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương.

- Rủi ro thiên tai đối với doanh nghiệp:

Rủi ro thiên tai được xác định là các thiệt hại, mức ảnh hưởng do thiên tai gây ra. Thông tin rủi ro thiên tai với mỗi nội dung được xác định trên cơ sở các thiệt hại, mức ảnh hưởng đã xảy ra đối với doanh nghiệp trong quá khứ.

Bảng tổng hợp thông tin đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và năng lực phòng chống thiên tai của doanh nghiệp

Thời gian đánh giá:

Loại hình thiên tai:

Thông tin đánh giá:



STT	Nội dung đánh giá	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT
1	Cơ sở vật chất		
	Nhân lực		
	Nhà xưởng, kho tàng		
	Máy móc thiết bị		
	Sản phẩm, dịch vụ		
	Nguyên vận liệu		
	Tài chính		
2	Cơ chế tổ chức		
	Các bộ phận trong doanh nghiệp		
	Lực lượng PCTT doanh nghiệp		
	Đối tác trong chuỗi cung ứng		
	Khách hàng		
	Thị trường		
	Phương án ứng phó thiên tai		
3	Lồng ghép nội dung PCTT vào chiến lược, kế hoạch phát triển doanh nghiệp		
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ		
	Lãnh đạo doanh nghiệp		
	Lãnh đạo các bộ phận của doanh nghiệp		
	Lực lượng PCTT doanh nghiệp		
	Cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp		
	Các đối tác trong chuỗi cung ứng		



- Rủi ro thiên tai đối với doanh nghiệp:

Rủi ro thiên tai được xác định là các thiệt hại, mức ảnh hưởng do thiên tai gây ra. Thông tin rủi ro thiên tai với mỗi nội dung được xác định trên cơ sở các thiệt hại, mức ảnh hưởng đã xảy ra đối với doanh nghiệp trong quá khứ.

Các rủi ro thiên tai đối với doanh nghiệp cơ bản như sau:

+ Rủi ro về an toàn cán bộ, người lao động: Cán bộ, người lao động có thể bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thiên tai hoặc ảnh hưởng tác động của thiên tai đến nhà xưởng/kho bãi/văn phòng tốc mái, hư hại hoặc sập đổ, cây trong khuôn viên của doanh nghiệp đổ, cửa kính vỡ, điện giật,....

+ Rủi ro về sản xuất, kinh doanh: Ảnh hưởng đến tài chính (Do hư hỏng cơ sở vật chất, đền bù, biến động thị trường,...), ảnh hưởng chuỗi giá trị, gián đoạn chuỗi cung ứng,.....

+ Rủi ro về sức khỏe, vệ sinh, môi trường: Sức khỏe của cán bộ, người lao động bị ảnh hưởng do bệnh, dịch bệnh; môi trường doanh nghiệp bị ô nhiễm do rò rỉ hoá chất, xăng dầu, nước bẩn ứ đọng (nguồn từ trong doanh nghiệp hoặc từ khu vực xung quanh do sinh hoạt người dân, người dân vứt rác, xác động vật chết,....)

- Giải pháp nhằm giảm rủi ro thiên tai:

Giải pháp phải đảm bảo huy động được năng lực PCTT sẵn có trong doanh nghiệp, xử lý tình trạng dễ bị tổn thương nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai. Giải pháp phải đảm bảo biện pháp công trình và phi công trình:

+ Biện pháp công trình: Tu sửa nhà kho, bến bãi, hệ thống điện,...

+ Biện pháp phi công trình: Tập huấn, truyền thông, củng cố bộ máy quản lý, nâng cao năng lực cho lực lượng PCTT doanh nghiệp, cán bộ, người lao động của doanh nghiệp, rà soát và bổ sung/điều chỉnh



các cơ chế đối với các đối tác trong chuỗi cung ứng, khách hàng và xây dựng/điều chỉnh phương án ứng phó thiên tai, kế hoạch kinh doanh đảm bảo,...

Bảng tổng hợp thông tin rủi ro thiên tai và đề xuất giải pháp của doanh nghiệp

Thời gian đánh giá:

Loại hình thiên tai:

Thông tin đánh giá:

STT	Rủi ro thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Nhu cầu/ giải pháp
1	An toàn cho cán bộ, người lao động	Cơ sở vật chất	Cơ sở vật chất	
		Cơ chế tổ chức	Cơ chế tổ chức	
		Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	
2	Sản xuất kinh doanh	Cơ sở vật chất	Cơ sở vật chất	
		Cơ chế tổ chức	Cơ chế tổ chức	
		Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	
3	Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	Cơ sở vật chất	Cơ sở vật chất	
		Cơ chế tổ chức	Cơ chế tổ chức	
		Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	



2. Hoạt động: Tập huấn, truyền thông nâng cao nhận thức, năng lực phòng chống thiên tai

a. Đối tượng tập huấn, truyền thông:

- Cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp
- Cá nhân /tổ chức /doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng
- Cộng đồng người dân trên địa bàn doanh nghiệp có trụ sở sản xuất, kinh doanh hoặc người dân trong vùng doanh nghiệp cung cấp sản phẩm (Đối tượng tiêu dùng)

b. Tập huấn viên, tuyên truyền viên:

- Lãnh đạo doanh nghiệp.
- Bộ phận/Cán bộ chuyên trách PCTT của doanh nghiệp.
- Cán bộ của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh.



Lãnh đạo doanh nghiệp phổ biến kiến thức về PCTT

c. Địa điểm:

- Trụ sở của doanh nghiệp
- Hội trường UBND xã/huyện.
- Nhà văn hoá xã/thôn
- Khách sạn/trung tâm hội nghị



Cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp tham gia khóa tập huấn nâng cao nhận thức về PCTT

d. Nội dung tập huấn

- Nội dung, đối tượng, phương thức tập huấn, truyền thông phải được xác định cụ thể và phải căn cứ vào báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai của doanh nghiệp.
- Nội dung, phương thức tập huấn cơ bản: (Phụ lục 6)



3. Hoạt động: Nâng cao năng lực của doanh nghiệp

a. Củng cố, xây dựng tổ chức, cơ chế phối hợp các bộ phận trong doanh nghiệp và đối tác trong chuỗi cung ứng; Xem xét, đánh giá năng lực của lực lượng PCTT doanh nghiệp.

- Xem xét lực lượng PCTT doanh nghiệp đã đủ số lượng cán bộ, thông tin, dữ liệu PCTT, công cụ hỗ trợ để triển khai phương án kiện toàn, nâng cao năng lực.

- Đối với doanh nghiệp chưa có bộ phận này nên xem xét thành lập và xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực, quy chế hoạt động, phối hợp.

- Xem xét các kế hoạch, cơ chế phối hợp giữa thành viên trong lực lượng PCTT doanh nghiệp.

- Thiết lập mạng lưới tương trợ hỗ trợ: Xem xét cơ chế phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh hoặc phân phối sản phẩm; các đối tác trong chuỗi cung ứng để đảm bảo khôi phục và sản xuất liên tục dưới tác động của thiên tai.

b. Gia cố cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất nhằm giảm thiệt hại cho doanh nghiệp và cộng đồng người dân.

Hoạt động này quan trọng với các doanh nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp (Lúa, hoa quả, thủy/hải sản, lâm nghiệp), doanh nghiệp cung cấp, lắp ráp thiết bị và chuyên giao công nghệ (Lắp ráp, sửa chữa thiết bị điện tử, tin học,...). Cụ thể:

- Gia cố mái, chằng chống văn phòng, nhà xưởng, nhà kho, biển quảng cáo để tránh thiệt hại cho doanh nghiệp và cộng đồng người dân do bão, ATNĐ, giông, lốc, mưa đá

- Gia cố, nâng cao nền để tránh hư hại do lũ, ngập lụt: Các dây chuyền sản xuất, lắp ráp; Kho chứa hàng hoá, sản phẩm, trang thiết bị; Gian trưng bày, bán sản phẩm.

c. Xây dựng các phương án sản xuất dự phòng nhằm phục hồi nhanh



hoạt động sản xuất, kinh doanh, đặc biệt các hoạt động/khâu sản xuất, kinh doanh quan trọng:

- Theo từng loại thiên tai điển hình tại địa phương với từng cấp độ rủi ro thiên tai.

- Các kịch bản thiệt hại, gián đoạn sản xuất tại các khâu trong chuỗi cung ứng, phân phối.

d. Sử dụng công nghệ, kỹ thuật ít bị tác động bởi thiên tai (Ví dụ: Phần mềm họp trực tuyến; Công cụ, phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp, khai thác, phân tích, chia sẻ thông tin, dữ liệu,...):

- Duy trì hoạt động quản lý, điều hành sản xuất, kinh doanh trong giai đoạn ứng phó, khắc phục hậu quả sau thiên tai của doanh nghiệp.

- Phân tích ảnh hưởng thiên tai đối với các đối tác trong chuỗi cung ứng để nhận diện, đánh giá yếu tố ảnh hưởng để điều chỉnh/bổ sung kế hoạch phục hồi, sản xuất liên tục, đặc biệt các hoạt động/khâu sản xuất, kinh doanh quan trọng.

e. Điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh, cơ cấu ngành hàng, cơ cấu dịch vụ cho phù hợp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của thiên tai, đặc biệt trong giai đoạn/ thời điểm nhu cầu tăng cao của thị trường (Nhu cầu du lịch, lễ hội, Tết cổ truyền,...)

4. Thành lập/kiện toàn lực lượng PCTT doanh nghiệp:

a. Sự cần thiết xây dựng lực lượng PCTT doanh nghiệp:

Căn cứ Khoản 2 điều 35. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức kinh tế, nghĩa vụ của các doanh nghiệp:

- Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất của mình và tổ chức sản xuất, kinh doanh bảo đảm an toàn trước thiên tai;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng, chống thiên tai;

- Tham gia chương trình thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng,



chống thiên tai; nâng cao kiến thức về phòng, chống thiên tai; tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai theo kế hoạch của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương.

- Chấp hành sự hướng dẫn, chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc thực hiện biện pháp phòng, chống thiên tai.
- Chấp hành lệnh huy động khẩn cấp nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để phục vụ hoạt động ứng phó tình huống khẩn cấp.
- Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý của mình khi bị tác động của thiên tai.
- Tham gia hoạt động tìm kiếm, cứu nạn, hỗ trợ khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai tại địa phương trong khả năng của mình.

Để có thể chủ động triển khai các hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai của doanh nghiệp và hỗ trợ cho chính quyền địa phương, việc xây dựng lực lượng PCTT doanh nghiệp là rất cần thiết.

Trong công tác phòng chống thiên tai, lực lượng PCTT doanh nghiệp là lực lượng tại chỗ, bao gồm các cán bộ, người lao động có sức khỏe, nhanh nhẹn để có thể ứng phó trong thiên tai bảo đảm an toàn về người, tài sản của doanh nghiệp và sẵn sàng hỗ trợ chính quyền địa phương khi cần huy động.



Lực lượng PCTT tham gia công tác ứng phó thiên tai

b. Hướng dẫn thành lập lực lượng PCTT doanh nghiệp:



- Mục đích: Giúp ích Lãnh đạo doanh nghiệp chủ động trong việc ứng phó và khắc phục hậu quả kịp thời sau khi thiên tai xảy ra.

- Cơ cấu tổ chức:

+ Thành phần gồm: 01 Đội trưởng, 01-02 Phó đội trưởng (Số lượng tùy theo quy mô của doanh nghiệp); Số lượng thành viên tùy thuộc quy mô, cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp.

+ Yêu cầu: Có sức khỏe, nhiệt tình, có tính kỷ luật cao, có tinh thần trách nhiệm, am hiểu luật pháp, hiểu biết về công nghệ.

- Chức năng, nhiệm vụ:

+ Nhiệm vụ thường xuyên:

- Xây dựng và triển khai thực hiện phương án ứng phó thiên tai của doanh nghiệp.

- Tập huấn, diễn tập ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Tham gia tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, kỹ năng và trách nhiệm của cán bộ, người lao động của doanh nghiệp trong PCTT.

- Theo dõi các bản tin dự báo, cảnh báo và diễn biến thiên tai; báo cáo kịp thời với Lãnh đạo doanh nghiệp và thông báo đến các cá nhân, bộ phận của doanh nghiệp bằng các biện pháp phù hợp.

- Kiểm tra độ an toàn: Hệ thống điện, hệ thống cung cấp nước, thiết bị phun nước dập lửa, cơ chế đóng ngắt hệ thống sưởi-thông gió và hệ thống điều hoà không khí, hệ thống báo động, thiết bị an ninh, lối ra/vào toà nhà, lối thoát hiểm cho người, hàng hoá, thiết bị.

- Kiểm tra tính sẵn sàng các thiết bị liên lạc của các thành viên lực lượng PCTT doanh nghiệp.

- Rà soát, kiểm tra thông tin liên lạc (số điện thoại, email, mạng xã hội...) của các thành viên trong lực lượng PCTT doanh nghiệp, các lực lượng địa phương, các đối tác, khách hàng; Thống nhất cách thức



sẽ liên lạc giữa các thành viên lực lượng PCTT doanh nghiệp, với các cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp, khách hàng, các đối tác trong chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong thiên tai, đặc biệt trong trường hợp khẩn cấp

- Quản lý, sử dụng đúng mục đích các trang thiết bị phục vụ công tác PCTT được giao theo quy định;

+ Nhiệm vụ trước khi thiên tai xảy ra:

- Kiểm tra các điểm tránh trú, sẵn sàng sơ tán người ở khu vực có nguy cơ rủi ro đến nơi an toàn; xác định cụ thể số lượng hộ, người cần sơ tán của từng bộ phận; đảm an toàn, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và hậu cần tại nơi tránh trú;

- Kiểm tra, phân giao phương tiện, trang thiết bị cho các thành viên;

- Gia cố, chằng chống nhà cửa, nhà kho, xưởng sản xuất, biển hiệu, cắt tỉa cành cây quanh doanh nghiệp, bảo vệ các cơ sở vật chất sản xuất.

+ Nhiệm vụ trong thiên tai:

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai, kiểm tra các trọng điểm có khả năng bị thiệt hại do thiên tai trong doanh nghiệp; phát hiện, xử lý kịp thời và báo cáo Lãnh đạo doanh nghiệp;

- Phối hợp với lực lượng địa phương để bố trí nơi ở tạm, sơ tán khẩn cấp người đến nơi an toàn;

- Phối hợp, hỗ trợ các lực lượng địa phương khi có yêu cầu.

+ Nhiệm vụ sau thiên tai:

- Khẩn trương phối hợp thực hiện nhiệm vụ sơ cấp cứu người bị thương;

- Tham gia cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác; Sửa chữa, thu dọn văn phòng, nhà xưởng,

kho bãi, vệ sinh môi trường để phòng dịch bệnh;

- Tham gia, hỗ trợ sửa chữa, khôi phục công trình PCTT, giao thông và các công trình hạ tầng công cộng khi có yêu cầu
- Thu thập thông tin thiệt hại của doanh nghiệp và báo cáo với Lãnh đạo doanh nghiệp
- Thu dọn, tổng hợp vật tư, phương tiện về nơi tập kết; sửa chữa vật tư bị hư hỏng, sẵn sàng phục vụ khi có tình huống thiên tai khác xảy ra;



Tham gia khắc phục hậu quả thiên tai

5. Hoạt động: Lồng ghép nội dung PCTT trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

a. Khái niệm: Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai vào kế hoạch sản xuất kinh doanh là quá trình tích hợp có chọn lọc những đánh giá tác động của thiên tai, giải pháp ưu tiên về giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng BĐKH vào quá trình xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

b. Lợi ích của lồng ghép:

- Đánh giá được rủi ro thiên tai tác động đến việc hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và xây dựng được các giải pháp phù hợp, có tính khả thi cao.

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phòng chống thiên tai từ nhiều nguồn khác nhau; giảm lãng phí, thất thoát, tránh được sự



chồng chéo trong đầu tư.

- Đảm bảo các mục tiêu sản xuất kinh doanh ổn định, phát triển bền vững của doanh nghiệp, chuỗi cung ứng.
- Tăng khả năng phục hồi sau thiên tai, nâng cao nhận thức, năng lực của cán bộ, người lao động, trong doanh nghiệp.

c. Nguyên tắc và sơ sở lồng ghép nội dung PCTT trong Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Các cơ sở để lồng ghép:

+ Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế hoạch của các bộ phận liên quan, quy hoạch vùng sản xuất, nhà xưởng, thiết bị,...

+ Tổng hợp dữ liệu về diễn biến các loại hình thiên tai và rủi ro mà doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng

+ Dữ liệu về phân tích tình trạng dễ bị tổn thương, năng lực phòng chống thiên tai của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực, từng bộ phận cụ thể

+ Cơ sở phân tích tác động của thiên tai đến các bên liên quan: Khách hàng, đối tác, thị trường,...

+ Báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, Kế hoạch Phòng chống thiên tai 05 năm, hàng năm, Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro của Ban Chỉ huy PCT&TKCN địa bàn nơi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

+ Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội có lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai của địa phương.

+ Các chính sách của nhà nước liên quan đến PCTT trong doanh nghiệp.

- Nguyên tắc cần đảm bảo khi lồng ghép nội dung PCTT trong kế



hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

+ Lồng ghép trong tất cả các bước lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

+ Căn cứ vào kết quả đánh giá rủi ro thiên tai ứng với mỗi loại hình thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Ưu tiên các giải pháp đa mục tiêu, an toàn trước thiên tai; kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; Đáp ứng nhu cầu về an toàn, phát triển sản xuất kinh doanh bền vững.

+ Đảm bảo hài hoà giữa các bộ phận, các khâu sản xuất kinh doanh

+ Xây dựng chỉ tiêu, chỉ số rõ ràng để giám sát, đánh giá việc thực hiện lồng ghép.

+ Rà soát, điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp với sự thay đổi điều kiện (thiên tai, kinh tế xã hội địa phương, thị trường, khách hàng, chuỗi cung ứng).

d. Các bước lồng ghép:

- **Bước 1:** Xác định chỉ tiêu của quá trình lồng ghép PCTT

Xác định chỉ tiêu của quá trình lồng ghép PCTT là bước quan trọng nhằm xác định rõ mục tiêu cần đạt được của quá trình lồng ghép. Mục tiêu lồng ghép cần lựa chọn các chỉ tiêu ưu tiên phù hợp với chiến lược phát triển của doanh nghiệp với nguồn vốn, nguồn nhân lực, điều kiện sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thị trường và chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị.

- **Bước 2:** Đánh giá rủi ro thiên tai đến các chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng bộ phận.

Đánh giá rủi ro thiên tai cần được rà soát, phân tích, điều chỉnh/bổ sung (nếu cần) các thông tin, dữ liệu trong hoạt động đánh giá rủi ro thiên tai của doanh nghiệp. Các thông tin đánh giá có thể phân tích chi



tiết hơn đến từng bộ phận, từng đơn vị trong doanh nghiệp với từng loại hình thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai.

- **Bước 3:** Rà soát các chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh.

Mục tiêu của bước này nhằm đảm bảo hài hoà, thống nhất giữa mục tiêu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp với diễn biến thiên tai ở địa phương; đồng thời đảm bảo hạn chế sự ảnh hưởng do thiên tai của các hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc các hoạt động sản xuất kinh doanh không làm gia tăng rủi ro thiên tai cho cộng đồng.

- **Bước 4:** Đánh giá năng lực PCTT nhằm thực hiện các hoạt động lồng ghép

Đây là bước quan trọng đảm bảo sự thành công của việc lồng ghép. Nhận diện đầy đủ năng lực PCTT của doanh nghiệp (Nhận thức, kiến thức PCTT của cán bộ, người lao động; chất lượng, tính sẵn sàng của cơ sở vật chất, tính hiệu quả trong cơ cấu tổ chức,...) giúp doanh nghiệp triển khai các hoạt động lồng ghép thành công. Đặc biệt là nhận thức, kiến thức PCTT, kinh nghiệm, thái độ, hành vi của cán bộ, người lao động sẽ hiểu rõ được yêu cầu lồng ghép trong phạm vi công việc mình đảm nhận.

- **Bước 5:** Phân tích hiệu quả của các hoạt động lồng ghép (tích cực và tiêu cực)

Mục tiêu là lựa chọn các phương án lồng ghép tối ưu nhất, phù hợp với quy mô, điều kiện của doanh nghiệp.

- **Bước 6:** Điều chỉnh, bổ sung chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- **Bước 7:** Xây dựng/ điều chỉnh cơ chế và các quy trình để thực hiện lồng ghép

Mục tiêu là bố trí nhân sự hợp lý với sự phân công, phân nhiệm rõ



ràng; cơ chế điều phối hợp tác chặt chẽ để đảm bảo việc lồng ghép được thực hiện nghiêm túc, đúng hướng

- **Bước 8:** Thực hiện và giám sát quá trình lồng ghép trong chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

e. Các nội dung lồng ghép:

- Về nhân lực: thu xếp, điều chuyển nhân lực để thực hiện các hoạt động ứng phó thiên tai; bổ sung hoạt động nâng cao nhận thức, năng lực về PCTT cho cán bộ, người lao động của doanh nghiệp; điều chỉnh kế hoạch, hình thức tuyển dụng cho phù hợp với xu hướng thiên tai tại địa phương và tính chất công việc của doanh nghiệp

- Về tổ chức, cơ chế: Điều chỉnh các quy trình công tác, nội quy đảm bảo hoạt động ứng phó thiên tai nhanh, kịp thời, hiệu quả. Việc điều chỉnh quy chế cũng có thể thay đổi thời gian làm việc, mùa vụ sản xuất.

- Về cơ sở vật chất: Bố trí, gia cố lại nhà xưởng, trang bị phương tiện cứu hộ cứu nạn, bổ sung các trang thiết bị, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong thông tin liên lạc, phần mềm quản lý, cơ sở dữ liệu, bổ sung phương tiện cần thiết khác.

- Về mặt kỹ thuật: Cải tiến các quy trình sản xuất, kinh doanh; thay đổi công nghệ nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai.

- Về tài chính: Mua bảo hiểm, thiết lập các quỹ dự phòng,...

6. Hoạt động: Xây dựng phương án ứng phó thiên tai

a. Xây dựng phương án:

- Trực tiếp xây dựng: Lực lượng PCTT doanh nghiệp

- Phối hợp:

+ Cán bộ/bộ phận chuyên trách/kiêm nhiệm Ban Chỉ huy PCTT&TKCN địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở



+ Cán bộ/bộ phận chuyên trách/kiêm nhiệm của các đối tác trong chuỗi cung ứng

b. Phê duyệt phương án: Lãnh đạo doanh nghiệp.

c. Các bước xây dựng Phương án ứng phó thiên tai

- Bước 1: Thu Thập phân tích thông tin.

- Bước 2: Thực hiện đánh giá rủi ro thiên tai và tổng hợp phân tích kết quả đánh giá.

- Bước 3: Xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo các cấp độ rủi ro thiên tai.

d. Khung phương án ứng phó theo cấp độ rủi ro thiên tai:

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

2. Đặc điểm và tình hình thiên tai trên địa bàn

3. Đánh giá rủi ro thiên tai theo cấp độ RRTT

a. Đánh giá thiên tai.

b. Đánh giá về tình trạng dễ bị tổn thương.

c. Đánh giá năng lực ứng phó thiên tai

d. Tổng hợp kết quả đánh giá.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

2. Mục đích

3. Yêu cầu

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN



1. Mục tiêu
 - a. Mục tiêu chung
 - b. Mục tiêu cụ thể
2. Phương châm ứng phó với thiên tai
3. Xác định đối tượng, phạm vi tác động của các loại hình thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai đối với danh nghiệp
4. Xây dựng phương án ứng phó với các loại hình thiên tai tương ứng theo các cấp độ rủi ro thiên tai
 - a. Xác định thời điểm ứng phó
 - b. Xác định các kịch bản ứng phó thiên tai
 - c. Các biện pháp ứng phó theo các thời điểm
 - d. Bảo vệ cơ sở vật chất và trọng điểm dễ bị ảnh hưởng thiên tai
 - e. Sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất kinh doanh, chuỗi cung ứng
 - f. Bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc
 - g. Công tác chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn
 - h. Nguồn nhân lực ứng phó thiên tai
 - i. Dự trữ vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm.

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Kèm theo bản đồ thể hiện phương án UPTT)



CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Vùng thiên tai và các loại hình thiên tai điển hình

TT	Vùng	Các loại hình thiên tai điển hình
1	Vùng I: Miền núi phía Bắc gồm Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Quảng Ninh.	Lũ, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, bão, ATNĐ, rét hại, sương muối, mưa lớn, lốc, sét mưa đá, động đất.
2	Vùng II: Đồng bằng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ gồm Bắc Ninh, Hà Nội, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh	ATNĐ, bão, nước biển dâng, lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, rét hại, mưa lớn, sạt lở đất do dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng
3	Vùng III: Miền núi Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ gồm Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam.	ATNĐ, bão, nắng nóng, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, rét hại, mưa lớn, lốc, sét mưa đá.



TT	Vùng	Các loại hình thiên tai điển hình
4	Vùng IV: Duyên hải miền Trung gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận	Lũ, ngập lụt, ATNĐ, bão, nước dâng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất do dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, mưa lớn.
5	Vùng V: Đô thị lớn và khu dân cư tập trung gồm Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ và các đô thị loại 1 thuộc tỉnh	Mưa lớn, ngập lụt, bão, ATNĐ, dông lốc.
6	Vùng VI: Tây Nguyên, miền núi Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ gồm Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu	



TT	Vùng	Các loại hình thiên tai điển hình
7	Vùng VII: Đồng Bằng sông Cửu Long gồm Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Kiên Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ	ATNĐ, bão, lũ, ngập lụt, nước dâng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất do dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, mưa lớn, đông, lốc, sét, mưa đá.
8	Vùng VIII: Trên biển và hải đảo gồm vùng biển 28 tỉnh từ Quảng Ninh đến Kiên Giang; 02 quần đảo Trường sa và Hoàng sa	ATNĐ, bão, gió mạnh trên biển, nước dâng.

**Phụ lục 2: Cấp độ rủi ro thiên tai với các loại hình thiên tai**

(Quy định cụ thể tại Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai)

Bảng cấp độ rủi ro do áp thấp nhiệt đới, bão

Cấp ATNĐ, bão	Cấp độ rủi ro				
≥ 16 (siêu bão)	4	5	5	5	5
14 - 15 (bão rất mạnh)	4	4	5	5	5
12 - 13 (bão rất mạnh)	3	4	4	5	4
10 - 11 (bão mạnh)	3	3	3	4	3
6 - 9 (ATNĐ, bão)	3	3	3	3	3
Khu vực ảnh hưởng	Biển đông	Vùng biển ven bờ, đất liền Đông Bắc Bộ, Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ	Đất liền Nam Trung Bộ	Đất liền Nam Bộ	Tây Bắc, Việt Bắc, Tây Nguyên



Độ cao mực nước ven biển (tính từ mực nước biển trung bình) (m)	Cấp độ rủi ro							
> 6	5	5	5	4	3	4	4	4
5-6	4	4	5	4	3	4	4	4
4-5	3	4	4	4	3	4	4	4
3-4	2	3	4	4	3	3	3	4
2-3		2	3	3	2	2	2	3
1-2			2	2				2
Khu vực ảnh hưởng	Ven biển các tỉnh Quảng Ninh đến Thanh Hóa	Ven biển các tỉnh Nghệ An đến Hà Tĩnh	Ven biển các tỉnh Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế	Ven biển các tỉnh Đà Nẵng đến Bình Định	Ven biển các tỉnh Phú Yên đến Ninh Thuận	Ven biển các tỉnh Bình Thuận đến Bà Rịa - Vũng Tàu	Ven biển các tỉnh Thành phố Hồ Chí Minh đến Cà Mau	Ven biển các tỉnh Cà Mau



Bảng cấp độ rủi ro do mưa lớn

Lượng mưa (mm)	cấp độ rủi ro					
	Trên 400/24giờ	3	3	4	3	4
Trên 200 đến 400/24 giờ	2	3	3	2	3	4
Từ 100 đến 200/24 giờ hoặc 50-100/12 giờ	1	2	2	1	2	3
Thời gian kéo dài (ngày)	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4	Từ 1 đến 2	Trên 2 đến 4	Trên 4
Khu vực ảnh hưởng	Đồng bằng, ven biển			Trung du, vùng núi		

Bảng cấp độ rủi ro do lũ, ngập lụt

Mức nước lũ	Cấp độ rủi ro			
Trên lũ lịch sử	3	3	3	5
(BĐ3+1 m) đến lũ lịch sử	3	3	3	4
(BĐ3+0.3 m) đến dưới (BĐ3+1.0 m)	2	2	3	4
BĐ3 đến dưới (BĐ3+0.3 m)	2	2	3	3
BĐ2 đến dưới BĐ3	1	2	2	3
BĐ1 đến dưới BĐ2	1	1	1	2
Khu vực xảy ra lũ, ngập lụt	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 1	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 2	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 3	Các trạm thủy văn thuộc khu vực 4

Ghi chú: Danh sách các trạm thủy văn thuộc các khu vực 1, 2, 3 và 4 được quy định tại Phụ lục XIII Quyết định này.

**Bảng cấp độ rủi ro do lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy**

Vùng có nguy cơ	Cấp độ rủi ro											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Rất cao	3	3	3	3	3	3	2	3	3	1	2	2
Cao	2	3	3	2	3	3	1	2	2	1	1	2
Trung bình	1	2	2	1	2	2		1	2			1
Thấp	1	1	2		1	2			1			
Tổng lượng mưa 24 giờ (mm)	100 - 200	Trên 200 đến 400	Trên 400	100-200	Trên 200 đến 400	Trên 400	100 - 200	Trên 200 đến 400	Trên 400	100 - 200	Trên 200 đến 400	Trên 400
Thời gian mưa trước đó (ngày)	1-2 ngày	Trên 2 ngày		1 - 2 ngày	Trên 2 ngày		1-2 ngày	Trên 2 ngày		1 -2 ngày	Trên 2 ngày	
Khu vực xảy ra	Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3			Khu vực 4		

Ghi chú:

Khu vực 1: Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang.

Khu vực 2: Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Ngãi.

Khu vực 3: Phú Thọ, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng.

Khu vực 4: Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hải Phòng, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.



Bảng cấp độ rủi ro do nắng nóng

Nhiệt độ cao nhất (°C)	Cấp độ rủi ro											
	Trên 41	2	1	2	2	2	3	3	3	4	4	4
Trên 39 đến 41	1	1	2	2	2	2	2	2	3	3	3	4
Trên 37 đến 39	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	3
Từ 35 đến 37	1											
Thời gian kéo dài (ngày)	Từ 3 đến 5			Trên 5 đến 10			Trên 10 đến 25			Trên 25		
	Khu vực ảnh hưởng	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên, Nam Bộ	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên, Nam Bộ	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên, Nam Bộ	Bắc Bộ	Trung Bộ

**Bảng cấp độ rủi ro do hạn hán hoặc sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán**

Khoảng thời gian lượng mưa tháng thiếu hụt trên 50% trong khu vực (tháng)	Cấp độ rủi ro								
	2	2	3	3	3	4	4	4	4
Trên 5	2	2	3	3	3	4	4	4	4
Trên 3 đến 5	1	1	2	2	3	3	4	4	4
Từ 2 đến 3		1	1	1	2	2	3	3	3
Thiếu hụt nguồn nước mặt trong khu vực (%)	Từ 20 % đến 50%			Trên 50% đến 70%			Trên 70%		
Khu vực ảnh hưởng	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên, Nam Bộ	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên, Nam Bộ	Bắc Bộ	Trung Bộ	Tây Nguyên, Nam Bộ

Bảng cấp độ rủi ro do xâm nhập mặn

Khoảng cách xâm nhập sâu trong sông	cấp độ rủi ro					
>90 km	3	3	3	4	4	4
Trên 50- 90 km	2	2	2	4	3	3
Trên 25 - 50 km	1	1	1	3	2	2
Từ 15-25 km				2	1	
Độ mặn	1‰			4‰		
Khu vực ảnh hưởng	Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ	Trung Bộ, Nam Trung Bộ	Nam Bộ	Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ	Trung Bộ, Nam Trung Bộ	Nam Bộ

Bảng cấp độ rủi ro do gió mạnh trên biển

Cấp gió	Cấp độ rủi ro	
≥9	3	3
7-8	3	2
6	2	
Khu vực ảnh hưởng	Vùng biển ven bờ	Vùng biển ngoài khơi



Bảng cấp độ rủi ro do sương mù

Tầm nhìn xa	Cấp độ rủi ro	
Sương mù dày đặc, tầm nhìn xa dưới 50 m	1	2
Sương mù dày đặc, tầm nhìn xa từ 50 m trở lên		1
Phạm vi ảnh hưởng (Vùng hoạt động của các phương tiện giao thông)	Trên biển, trên sông và đường đèo núi	Khu vực đường cao tốc và sân bay

Bảng cấp độ rủi ro do lốc, sét, mưa đá

Phạm vi và khu vực ảnh hưởng	Cấp độ rủi ro
Từ 1/2 số huyện, xã trở lên của 1 tỉnh	2
Dưới 1/2 số huyện, xã trong phạm vi 1 tỉnh hoặc nhiều tỉnh không liền kề	1

Bảng cấp độ rủi ro do rét hại, sương muối

Nhiệt độ trung bình ngày (°C)	Cấp độ rủi ro					
Dưới 0	2	1	3	2	3	3
Từ 0 đến 4	1	1	2	2	3	3
Trên 4 đến 8		1	1	2	2	3
Trên 8 đến 13				1	1	2
Thời gian kéo dài (ngày)	Từ 3 -5		Trên 5- 10		Trên 10	
Khu vực ảnh hưởng	Vùng núi, trung du Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ	Vùng núi, trung du Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ	Vùng núi, trung du Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ



Bảng cấp độ rủi ro do cháy rừng do tự nhiên

Vùng ảnh hưởng	Nhiệt độ cao nhất ngày (°C)	Độ ẩm không trung bình ngày (%)	Tốc độ gió cao nhất ngày (km/h)	Cấp độ rủi ro															
				Từ 3 đến 5			Từ 5 đến 10			Từ 10 đến 15			Từ 15 đến 20			Trên 20			
				Tru ng Bộ	Tây Ngu yên	Nam Bộ	B á c B ộ	Tru ng Bộ	Tây Ngu yên	Nam Bộ	B á c B ộ	Tru ng Bộ	Tây Ngu yên	Nam Bộ	B á c B ộ	Tru ng Bộ	Tây Ngu yên	Nam Bộ	
Vùng 1	>40	<40	<1.5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	35-40	40-50	1.5-2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
	30-35	50-60	2-2.5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Vùng 2	>40	<40	<1.5	1	1	1	1	2	2	2	2	3	3	3	3	4	4	4	4
	35-40	40-50	1.5-2	1	1	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3
	30-35	50-60	2-2.5	1	1	1	1	1	1	1	1	2	2	2	2	3	3	3	3
Vùng 3	>40	<40	<1.5	1	1	1	2	2	2	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4
	35-40	40-50	1.5-2	1	1	1	2	2	2	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4
	30-35	50-60	2-2.5	1	1	1	2	2	2	2	3	3	3	3	3	4	4	4	4
Vùng 4	>40	<40	<1.5	1	1	1	2	2	2	3	3	3	4	4	4	5	5	5	5
	35-40	40-50	1.5-2	1	1	1	2	2	2	3	3	3	4	4	4	5	5	5	5
	30-35	50-60	2-2.5	1	1	1	2	2	2	2	3	3	3	3	4	4	4	4	4
Thời gian kéo dài (ngày)				Từ 3 đến 5			Từ 5 đến 10			Từ 10 đến 15			Từ 15 đến 20			Trên 20			
Khu vực ảnh hưởng				Tru ng Bộ	Tây Ngu yên	Nam Bộ	B á c B ộ	Tru ng Bộ	Tây Ngu yên	Nam Bộ	B á c B ộ	Tru ng Bộ	Tây Ngu yên	Nam Bộ	B á c B ộ	Tru ng Bộ	Tây Ngu yên	Nam Bộ	



Ghi chú:

Phân vùng trọng điểm cháy rừng do tự nhiên ở Việt Nam:

- Vùng 1 gồm: rừng ngập mặn phèn, rừng ngập nước mặn, ngọt thường xuyên.
- Vùng 2 gồm: rừng tự nhiên mưa ẩm nhiệt đới thường xanh, rừng Phi lao chắn cát ven biển....
- Vùng 3 gồm: rừng tự nhiên kín thường xanh, rừng trồng hỗn giao cây bản địa, rừng trồng thuần loài cây khó cháy như: Rừng Mỡ, Rừng Bò đê...
- Vùng 4 gồm: rừng khộp, rừng tràm, rừng giang, tre nứa đã thành thực tự nhiên, rừng núi đá, rừng trồng các loài cây dễ cháy như: Thông, Sa mộc, Pơ mu, Keo, Bạch đàn, Quế ...).

Bảng cấp độ rủi ro do động đất

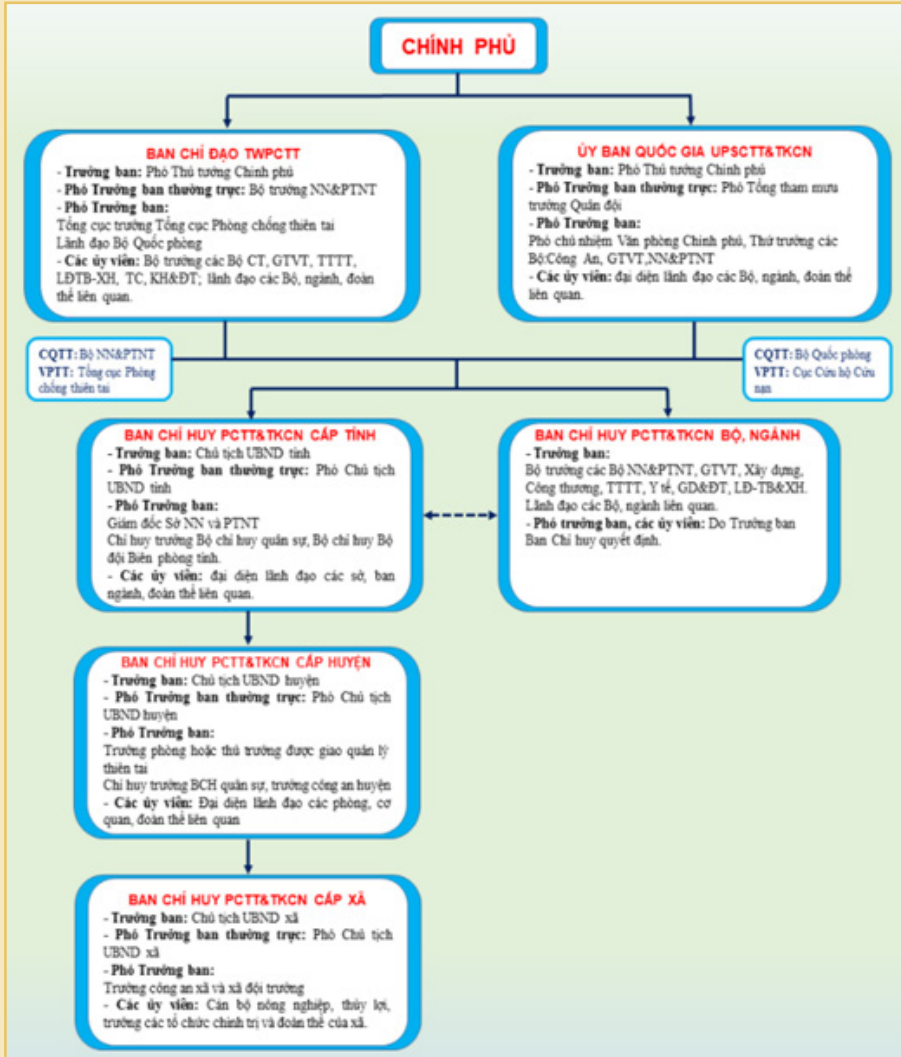
Cường độ chấn động trên bề mặt theo thang MSK-64 (cấp)	Cấp độ rủi ro		
Trên VIII	5		
VII - VIII	3	4	4
VI - VII	2	2	3
V-VI	1	1	1
Vùng ảnh hưởng	Khu vực nông thôn	Khu vực đô thị	Khu vực hồ chứa thủy lợi, thủy điện

Bảng cấp độ rủi ro do sóng thần

Độ cao sóng II (m)	Cường độ sóng thần	cấp độ rủi ro
Dưới 2.0	VI	1
Từ 2 m đến 4.0 m	VII - VIII	2
Từ 4 m đến 8.0 m	IX-X	3
Từ 8 m đến 16 m	XI	4
Trên 16 m	XII	5



Phụ lục 3: Sơ đồ hệ thống PCTT Việt Nam





Phụ lục 4: Chức năng, nhiệm vụ của

Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT

- 1) Hướng dẫn việc xây dựng, đôn đốc thực hiện chiến lược, kế hoạch quốc gia, chính sách, pháp luật về phòng, chống thiên tai;
- 2) Chủ trì hướng dẫn xây dựng phương án ứng phó thiên tai;
- 3) Chỉ đạo, điều phối ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên phạm vi toàn quốc: Chỉ đạo ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3; tham mưu chỉ đạo ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 4, 5; điều phối và hỗ trợ hoặc chỉ đạo các địa phương ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1, 2 khi có diễn biến phức tạp, nguy cơ gây hậu quả lớn, nghiêm trọng;
- 4) Căn cứ diễn biến thiên tai và yêu cầu thực tế, quyết định các biện pháp cấp bách, huy động các nguồn lực của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, của tổ chức, cá nhân để ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai và Nghị định này;
- 5) Chỉ đạo công tác tổng hợp thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ khẩn cấp và phục hồi, tái thiết của các địa phương, các bộ, ngành đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định các biện pháp, sử dụng dự phòng ngân sách trung ương và các biện pháp, nguồn lực hợp khác phục vụ hoạt động ứng phó khẩn cấp và khắc phục hậu quả thiên tai trong phạm vi cả nước;
- 6) Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện các hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật;
- 7) Chỉ đạo, tổ chức huấn luyện, đào tạo, diễn tập, tập huấn cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai; Chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm từng bước nâng cao năng lực dân sự trong hoạt động ứng phó thiên tai;
- 8) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc tăng cường cơ sở vật chất, trang



thiết bị, vật tư, phương tiện chuyên dùng; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ hỗ trợ, tham mưu ra quyết định chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai các cấp;

9) Tổ chức kêu gọi, tiếp nhận và triển khai các khoản hỗ trợ khẩn cấp trong và ngoài nước trong các tình huống khẩn cấp do thiên tai; là đầu mối chỉ đạo, điều phối chung công tác tiếp nhận, phân phối cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai;

10) Tổ chức hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc và tổng hợp kết quả triển khai thực hiện các nguồn lực hỗ trợ báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

11) Chỉ đạo, tổ chức xây dựng tài liệu, hướng dẫn, tập huấn, phổ biến, truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai hàng năm;

12) Hướng dẫn hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai tại cơ sở.



Phụ lục 5:

Bảng tổng hợp thông tin rủi ro thiên tai và đề xuất giải pháp của doanh nghiệp

Thời gian đánh giá:

Loại hình thiên tai:

Thông tin đánh giá:

STT	Rủi ro thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực PCTT	Nhu cầu/ giải pháp	
1	An toàn cho cán bộ, người lao động	Cơ sở vật chất	Cơ sở vật chất		
			Cơ chế tổ chức	Cơ chế tổ chức	
			Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	
2	Sản xuất kinh doanh	Cơ sở vật chất	Cơ sở vật chất		
			Cơ chế tổ chức	Cơ chế tổ chức	
			Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	
3	Sức khỏe, vệ sinh, môi trường	Cơ sở vật chất	Cơ sở vật chất		
			Cơ chế tổ chức	Cơ chế tổ chức	
			Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ, động cơ	

**Phụ lục 6: Nội dung phương thức tập huấn cơ bản**

Đối tượng	Nội dung	Phương thức⁸
Cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, xu thế và tình hình thiên tai tại địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất, kinh doanh, phân phối sản phẩm. - Các hoạt động chuẩn bị ứng phó thiên tai của doanh nghiệp khi tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai. - Cơ chế, quy chế, phân công nhiệm vụ từng bộ phận, cá nhân thực hiện các hoạt động chuẩn bị, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của doanh nghiệp. - Các kiến thức, kỹ năng trong triển khai các hoạt động ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của doanh nghiệp. + Biết cách xử lý khi có cảnh báo thiên tai + Hiểu rõ phương án ứng phó thiên tai của doanh nghiệp. + Biết cách liên lạc, cung cấp thông tin cho lực lượng PCTT doanh nghiệp, lực lượng của địa phương. + Biết cách lấy thông tin và hướng dẫn trong trường hợp khẩn cấp từ doanh nghiệp, chính quyền địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn tập trung. - Tổ chức trực tuyến qua các phần mềm hiện có - Xây dựng các bài giảng (video) và phát cho học viên. Phương thức này phù hợp với tập huấn nhắc lại; phù hợp với điều kiện về thời gian của học viên.

⁸ Tuỳ theo điều kiện (Cơ sở vật chất; Số lượng người cần tập huấn; Ứng dụng khoa học công nghệ; Tài chính; Số lượng trụ sở sản xuất, kinh doanh;...) của từng doanh nghiệp có thể áp dụng riêng/kết hợp các phương thức.

Lưu ý:

- Cần chuẩn bị chi tiết các điều kiện để tổ chức lớp tập huấn: Văn phòng phẩm; Trang thiết bị (Máy – màn chiếu; âm thanh); Thời gian tập huấn, địa điểm tập huấn, đặc biệt với đối tượng tập huấn có kết hợp với cộng đồng người dân.
- Đảm bảo có sự tham gia của cán bộ, người lao động, người dân là phụ nữ.
- Đảm bảo khả năng tiếp cận nếu lớp tập huấn có đối tượng dễ bị tổn thương (đặc biệt người khuyết tật), người khuyết tật vận động), tiếp cận thông tin (nếu có người khuyết tật nghe-nói, người khuyết tật nhìn).



Đối tượng	Nội dung	Phương thức
<p>Cá nhân /tổ chức /doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức, kỹ năng chăm sóc cây trồng/vật nuôi; bảo vệ sản xuất kinh doanh; bảo quản sản phẩm nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra. - Yêu cầu về chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường theo quy định của doanh nghiệp, chuỗi giá trị sản phẩm. - Các cơ chế, chế độ, chính sách hỗ trợ của doanh nghiệp do nguồn cung cấp nguyên liệu, sản phẩm thiếu hụt do ảnh hưởng của thiên tai - Kế hoạch và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp có lồng ghép nội dung PCTT. - Phương án ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của doanh nghiệp và những hoạt động phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh. + Biết cách liên lạc, cung cấp thông tin cho lực lượng PCTT doanh nghiệp, lực lượng của địa phương. + Biết cách lấy thông tin và hướng dẫn trong trường hợp khẩn cấp từ doanh nghiệp, chính quyền địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp phối hợp với nhau chủ động tổ chức sau khi đã bàn bạc, thống nhất các nội dung, hoạt động. - Doanh nghiệp có thể kết hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh. <p>Cách thức tổ chức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tập huấn tập trung. - Tổ chức trực tuyến qua các phần mềm hiện có - Xây dựng các bài giảng (video) và phát cho học viên. Phương thức này phù hợp với tập huấn nhắc lại; phù hợp với điều kiện về thời gian của các bên.



Đối tượng	Nội dung	Phương thức*
<p>Cộng đồng người dân trên địa bàn doanh nghiệp có trụ sở sản xuất, kinh doanh hoặc người dân trong vùng doanh nghiệp cung cấp sản phẩm</p>	<p>- Giới thiệu về doanh nghiệp; Sản phẩm và các dịch vụ đi kèm (Đặt hàng, vận chuyển, bảo hành, ưu đãi,...); Năng lực sản xuất kinh doanh, phòng chống thiên tai; Bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Hoạt động hỗ trợ PCTT tại địa phương Kế hoạch và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp có lồng ghép nội dung PCTT; Các chế độ của người lao động đối với người lao động trong doanh nghiệp về tiền lương, bảo hiểm, chăm sóc sức khoẻ, bảo đảm an toàn với thiên tai và bảo vệ môi trường của doanh nghiệp. - Phương án ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai của doanh nghiệp và những hoạt động phối hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh</p>	<p>- Doanh nghiệp có thể tự tổ chức sau khi đã bàn bạc, thống nhất các nội dung, hoạt động liên quan với chính quyền địa phương. - Doanh nghiệp có thể kết hợp với Ban Chỉ huy PCTT&TKCN nơi doanh nghiệp có trụ sở sản xuất kinh doanh hoặc phân phối sản phẩm Cách thức tổ chức thực hiện có thể tập huấn/truyền thông tập trung hoặc qua loa phát thanh xã</p>

PHỤ LỤC 7. THIÊN TAI ẢNH HƯỞNG ĐẾN DOANH NGHIỆP TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

1. Thiên tai trên thế giới

Lũ lụt tại Thái lan 10//2011

Mức độ thiệt hại từ trận lũ lụt lớn tại Thái Lan năm 2011 (gây ngập lụt khoảng 10.000 nhà máy) đã khiến rất nhiều nhà sản xuất lớn nhất thế giới gặp phải báo động đỏ, từ ngành ô tô, máy tính cho đến camera. Sức ảnh hưởng của thảm họa này đã vượt ra khỏi biên giới nước Thái, mất xích quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.



Ngập lụt khu nhà công nghiệp của Canon tại Thái Lan năm 2011



Hình ảnh ngập khu nhà công nghiệp tại Thái Lan năm 2011



Siêu bão Hagibis ở Nhật Bản năm 2019:

Là một trong những cơn bão nhiệt đới mạnh nhất trong năm 2019. Siêu bão Hagibis kèm theo lượng mưa lớn chưa từng thấy trong lịch sử, đã gây thiệt hại nặng nề tại Nhật Bản.

Đồ bộ vào bán đảo Izu (Shizuoka, Nhật Bản) tối 12/10, hướng ra biển sáng 13/10, bão Hagibis là một trong những cơn bão nhiệt đới mạnh nhất trong năm 2019. Đường kính khu vực gió mạnh nhất lên tới 1.400 km, bao trùm gần 50% chiều dài của bán đảo Nhật Bản, bao gồm cả thủ đô Tokyo.

Yếu tố gây thiệt hại lớn nhất được cho là mưa lớn, với lượng mưa đo được gần 1000mm/24h. Mưa trong hai ngày gần bằng mưa của nửa năm cộng lại. Hệ quả là hệ thống đê đập, thủy lợi của Nhật Bản không thể chống đỡ nổi.

Lũ lụt đã tàn phá mùa màng, làm hư hại các cửa hàng, nhà máy, máy móc và nhà cửa. Quy mô thiệt hại lớn đến mức nhiều người làm trong các ngành nông - lâm - ngư nghiệp cũng như các chủ doanh nghiệp nhỏ có thể mất động lực hồi phục sinh kế.

Theo Bộ Nông Lâm Ngư nghiệp, tổng hợp từ số liệu từ 37 tỉnh, thành có bão đi qua. Thiệt hại đối với cơ sở nông nghiệp như sập nhà kho, lụt do vỡ đê lên tới khoảng 224 triệu USD. Thiệt hại do mất mùa lúa, táo và các nông sản khác là khoảng 57 triệu USD. Lở đất phá hủy đường rừng gây thiệt hại khoảng 95 triệu USD.

Theo khảo sát của Reuters, ba phần tư các công ty Nhật Bản bị ảnh hưởng bởi một loạt các thảm họa thiên nhiên trong hai năm qua, trong đó các nhà máy, tòa nhà văn phòng, mạng lưới phân phối và chuỗi cung ứng bị thiệt hại nặng.

Những cơn số này khiến chúng ta phải suy nghĩ. Nhật Bản vốn là nước chịu nhiều thiên tai bão lũ và chính vì vậy, họ không những có nhiều kinh nghiệm mà còn có một hệ thống trang thiết bị phòng chống

thiên tai hiện đại bậc nhất thế giới. Thế nhưng Nhật Bản vẫn phải chịu một thiệt hại nặng nề về người sau cơn bão Hagibis cuối tuần qua. Thực tế này khiến chúng ta phải nhìn lại xem chúng ta đã và đang có gì và làm gì để phòng chống tác hại của thiên tai.



Hình ảnh ngập đường tàu cao tốc tại Nhật Bản năm 2019



Một số hình ảnh ngập lụt do bão Hagibis tại Nhật Bản

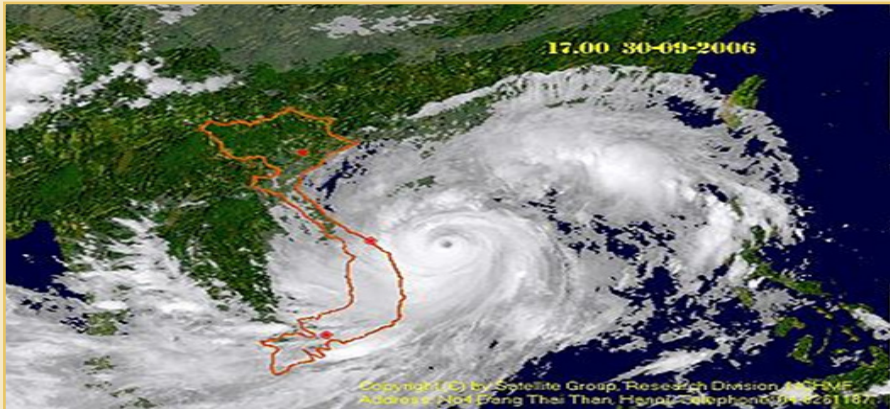


2. Thiên tai ở Việt Nam

Bão Xangsane đổ bộ vào Đà Nẵng năm 2006

Bão Xangsane là cơn bão mạnh nhất đổ bộ vào Đà Nẵng trong vòng 100 năm qua, và được liệt kê vào một trong những cơn bão có cường độ mạnh nhất tấn công vào đất liền Việt Nam trong lịch sử.

Tuy kí ức về cơn bão đã lùi xa nhưng đối với những người dân Đà Nẵng đã chứng kiến qua cơn bão này đều cảm thấy rùng mình mỗi khi nhắc lại khoảnh khắc khi cơn bão càn quét qua, chứng kiến khung cảnh cơn cuồng phong hoành hành và tàn phá mọi thứ



Hình ảnh mắt bão năm 2006

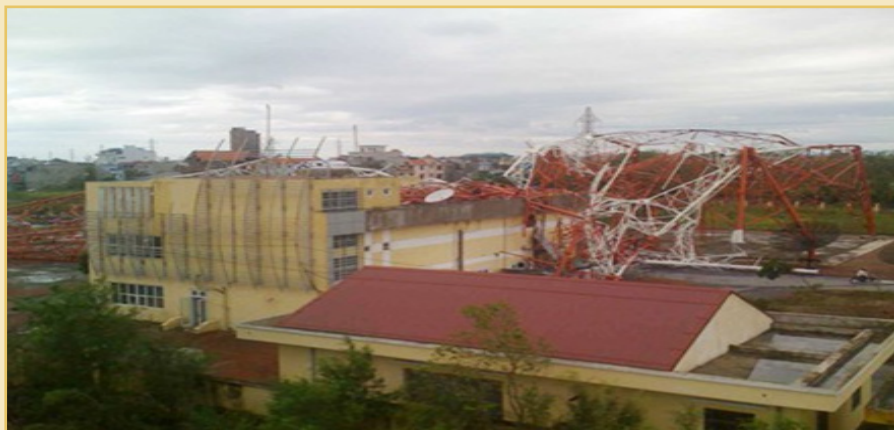


Xưởng lắp ráp xe máy Deahan vị sụp đổ hoàn toàn sau bão Xangsane 2006

Bão Sơn Tinh năm 2012

Nói đến bão Sơn Tinh, nhiều người không khỏi ám ảnh bởi sự tàn phá ghê gớm của cơn bão này vào năm 2012.

Bão Sơn Tinh ngoài đặc điểm có tốc độ di chuyển ban đầu rất nhanh lên tới 25 - 30 km/h khi vào Biển Đông. Với vận tốc di chuyển, các chuyên gia khí tượng đánh giá, là “cơn bão nhanh nhất trong gần 10 năm qua”.



Bão Sơn Tinh năm 2012 làm đổ tháp truyền hình tại Nam Định



Các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai



Lũ lụt và Bão số 9 năm 2020:

Cơn bão số 9 được đánh giá là cơn bão mạnh nhất năm 2020: Cơn bão số 9 và hoàn lưu bão gây mưa lớn, sạt lở đất, lũ quét... đã khiến 83 người chết và mất tích, trong đó số người bị tử vong đã lên đến 39 người, ảnh hưởng đến nhiều doanh nghiệp trong khu vực.



Doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai bão số 9 năm 2020

Lũ và ngập lụt tháng 10 năm 2020 tại khu vực Miền Trung gây thiệt hại và ảnh nặng nề đến nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi:



Nước lên nhanh nhấn chìm nhiều trại chăn nuôi tại khu vực Miền Trung



Nước lên nhanh nhấn chìm nhiều trại chăn nuôi tại khu vực Miền Trung



Giông lốc xảy ra năm 2016 tại khu công nghiệp huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã tàn phá một khu chợ và khu dân cư tại đây khiến người dân khiếp sợ.



Vòi rồng tại Khu công nghiệp Yên Phong, Bắc Ninh năm 2016



Giông lốc đã tàn phá một góc chợ Yên Phong, Bắc Ninh, 2016

3. Thiệt hại do thiên tai gây ra

3.1 Thiệt hại chung

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề của thiên tai và biến đổi khí hậu. Trong các loại thiên tai, bão và lũ lụt là thường xuyên và nguy hiểm nhất. Theo ước tính, trung bình mỗi năm Việt Nam phải chịu từ 6 đến 7 cơn bão. Hạn hán nghiêm trọng, xâm nhập mặn, sạt lở đất, và nhiều thiên tai khác đã và đang gây trở ngại cho sự phát triển của Việt Nam. Đặc biệt, trong những năm gần đây, các thiên tai mang tính cực đoan đã xảy ra nhiều hơn, gây thiệt hại nhiều hơn về người và ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế đất nước. Những tổn thất do thiên tai gây ra ước tính từ 1-1,5% GDP, đã gây ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt về phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.

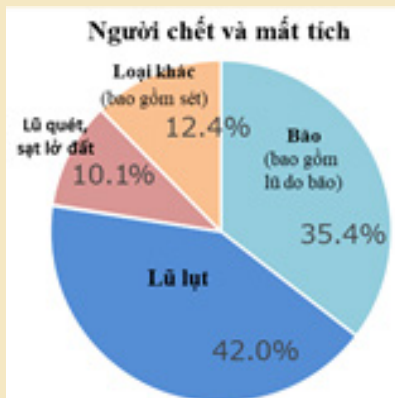
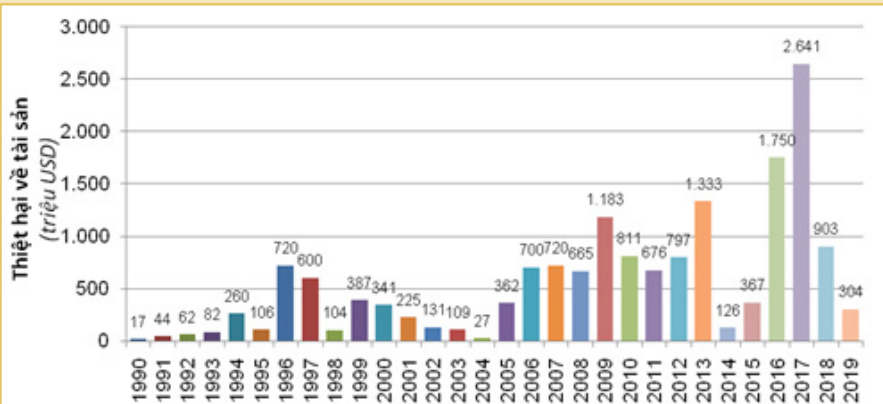


Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng rõ rệt, thiên tai ngày càng khắc nghiệt, khó lường, gia tăng về cường độ và tần suất, khiến người dân, doanh nghiệp (DN) và các thành phần xã hội khác phải gánh chịu những nguy cơ và rủi ro thiên tai rất lớn.



BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Tuy nhiên, đối với các DN, hiện nay chưa có sự tham gia chủ động và tích cực vào quá trình ứng phó, giảm nhẹ và khắc phục hậu quả của thiên tai. Thiếu chủ động trong phòng ngừa và ứng phó với thiên tai nhiều khi đã gây ra những tổn thất to lớn cho DN. Hiện nay, mặc dù chưa có số liệu thống kê chính xác về các thiệt hại do thiên tai gây ra cho các DN, nhưng con số này chắc chắn đã lên đến nhiều ngàn tỷ đồng, trong đó có nhiều DN đã mất trắng tài sản dẫn tới phá sản và nhiều người lao động mất việc làm. Vì vậy, việc tăng cường khả năng ứng phó và chống chọi với thiên tai cho DN không những bảo vệ lợi ích, tài sản của DN mà còn bảo vệ người lao động của DN, gia đình họ và cộng đồng dân cư nơi mà DN hoạt động.





Tổng hợp thiệt hại do thiên tai nói chung tại Việt Nam từ năm 1990 đến năm 2019



Tổng hợp thiệt hại do thiên tai năm 2020 tại Việt Nam tính đến ngày 29/11/2020

Đặc biệt chỉ trong tháng 10/2020, đã xảy ra 04 cơn bão, 02 ATNĐ, 02 đợt mưa lớn kéo dài ảnh hưởng các tỉnh miền Trung Việt Nam:

+ Mưa đặc biệt lớn vượt lịch sử năm 1999: Quảng Trị: 3.408mm, TT.Huế: 3.025mm; Cường xuất mưa tới 719mm/ngày (Huế).

+ Lũ lớn trên 16 tuyến sông chính; 05 tuyến sông vượt mức lịch sử tại T.T.Huế, Q.Trị, Q.Bình; Ngập lụt diện rộng: trên 280.000 hộ/ trên 1



triệu người bị ảnh hưởng.

+ Bão số 9 gió C14 giật C17 (RRTT Cấp 4 trên biển) và gió C11-12 giật C14-15 khi đổ bộ vào bờ (mạnh nhất trong 20 năm gần đây).

Trong bối cảnh dân số phát triển trên 100 triệu dân cùng với tác động của các hoạt động phát triển kinh tế-xã hội thiếu bền vững ở trong nước và khu vực thượng nguồn sông Hồng, sông Mê Công, thiên tai tại Việt Nam ngày càng nghiêm trọng, phức tạp, dị thường gây thiệt hại và ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát triển bền vững, an ninh quốc phòng.

3.2. Thiệt hại do thiên tai đến doanh nghiệp

Hiện nay chưa có thống kê cụ thể thiệt hại do thiên tai đối với các doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số những tác động thiên tai có thể gây ra cho các doanh nghiệp mà chúng ta có thể nhận thấy ở một số lĩnh vực như sau:

Tác động tới các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp:

BĐKH đã gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan, tăng cường độ và tần suất thiên tai khiến cho thiên tai ngày càng ảnh hưởng nhiều hơn đến sản xuất nông nghiệp. Nước biển dâng sẽ làm giảm diện tích đất nông nghiệp, trong khi xâm mặn, lũ lụt, xói mòn, hạn hán và sa mạc hóa làm suy giảm chất lượng đất, làm thiệt hại mùa màng.

Sản xuất nông nghiệp phụ thuộc lớn vào thời tiết và trữ lượng nước, rất nhạy cảm với những thay đổi của khí hậu như: lượng mưa, hạn hán, thời tiết cực đoan, tăng nền nhiệt. Sự thay đổi về lượng mưa và nhiệt độ cùng với thiên tai dẫn đến những biến đổi về khả năng thích nghi của cây trồng, làm giảm năng suất các giống cây, mất mùa, là điều kiện thuận lợi cho sâu bệnh, qua đó làm tăng chi phí sản xuất, tăng giá hàng tiêu dùng và ảnh hưởng trực tiếp tới nền kinh tế.



Hạn hán, lũ lụt ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất nông nghiệp



Ngành chăn nuôi: ngành chăn nuôi đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của nhiều quốc gia trên thế giới, chiếm 70% diện tích đất sản xuất nông nghiệp và đóng góp 40% GDP của nông nghiệp toàn cầu. Ngành chăn nuôi đang đứng trước nguy cơ nặng nề của thiên tai và BĐKH. BĐKH đang làm thay đổi môi trường sống, đe dọa đến nguồn cung cấp thức ăn và nước uống cho chăn nuôi, làm giảm sức đề kháng và tăng nguy cơ bùng phát dịch bệnh. Hậu quả là năng suất sinh trưởng và sinh sản của vật nuôi bị giảm sút.



Thiên tai dịch bệnh làm giảm năng suất ngành chăn nuôi

* Tác động với ngành Lâm nghiệp

BĐKH làm giảm diện tích đất rừng: Rừng ngập mặn ven biển chịu tổn thất do nước biển dâng; làm giảm đất trồng trọt dẫn đến nguy cơ chuyển dịch diện tích đất lâm nghiệp sang đất dành cho các lĩnh vực khác gây tác động lớn đối với sản xuất lâm nghiệp. BĐKH làm giảm chất lượng rừng: Làm phát sinh nhiều sâu bệnh mới nguy hại hơn; Độ ẩm ướt giảm đi gây ra suy giảm sinh khối trên hầu hết các loại rừng; Các loài động vật rừng, thực vật quý hiếm giảm dẫn đến suy kiệt hoặc tuyệt chủng. Nền nhiệt độ cao hơn, lượng bốc hơi nhiều hơn, thời gian và cường độ khô hạn tăng làm tăng nguy cơ cháy rừng.

Tuy vậy, Lâm nghiệp Việt Nam là ngành kinh tế có thể hưởng lợi từ những cơ hội do các cam kết quốc tế về chống BĐKH qua: Đa dạng hóa nguồn lực huy động nhằm ứng phó với BĐKH thông qua phát triển cơ chế thị trường, trong đó có định giá các-bon, trao đổi tín chỉ các-bon, dịch vụ môi trường rừng (DVMTR)... được thiết lập với cơ chế đầu tư và thanh toán theo kết quả và sản phẩm.





* Tác động với ngành thủy sản

Việt Nam có tới 58% dân cư vùng ven biển có sinh kế chủ yếu dựa vào nông nghiệp và đánh bắt thủy sản, khoảng 480.000 người trực tiếp làm nghề đánh bắt, 10.000 người chế biến và 2.140.000 người cung cấp các dịch vụ liên quan đến nghề cá. Đa số người làm nghề đánh bắt thủy sản là những người nghèo. BĐKH và rủi ro thiên tai có thể gây ảnh hưởng rất lớn đến sinh kế của các cộng đồng sinh sống dựa vào ngành thủy sản.

Thiên tai xảy ra ảnh hưởng tiêu cực tới sản lượng và chi phí của ngành đánh bắt thủy sản: giảm thời gian đánh bắt và năng suất khai thác nghề cá trên biển; tăng chi phí tu sửa, bảo dưỡng, xây dựng mới bến bãi, cảng cá, ngư cụ, tàu thuyền, làm sạt lở ven bờ, xâm thực, xâm nhập mặn và suy giảm chất lượng đất.



*** Tác động tới các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến - chế tạo**

Thiên tai ảnh hưởng đến ngành chế biến chế tạo: Các doanh nghiệp trong ngành buộc phải gián đoạn sản xuất do thiếu thốn nguyên vật liệu, làm ảnh hưởng hoặc phá hoại các nhà xưởng, máy móc, gây khó khăn cho việc đi lại của cán bộ công nhân viên, đặc biệt là nước biển dâng và mưa lũ do thời tiết cực đoan khiến cho nguồn cung cấp nguyên liệu không đều, hoặc khan hiếm, làm tăng chi phí sản xuất, đẩy giá thành sản phẩm lên cao và chất lượng không ổn định.

*** Tác động tới các doanh nghiệp ngành năng lượng**

BĐKH có thể tác động tiêu cực đến tài nguyên năng lượng tái tạo. Cụ thể, BĐKH dẫn đến các thiên tai mưa lớn, ngập lụt, kéo theo gia tăng cường độ lũ, tăng đỉnh lũ và trong một số trường hợp cấp bách, các nhà máy Thủy điện buộc phải xả nước để đảm bảo an toàn hồ đập, làm cho doanh nghiệp phát điện không chủ động được việc tích nước, có thể gây giảm lượng nước trong các hồ và giảm sản lượng điện. Bên cạnh đó thiên tai hạn hán gây ra tình trạng thiếu hụt nước, làm giảm thời gian phát điện và hiệu suất điện năng trong.

Khi xảy ra thiên tai mưa lớn, ngập lụt, ngoài làm tăng chi phí vận hành, thiên tai bão lũ còn gây hư hỏng cho công trình, đường dây, làm phát sinh chi phí lớn cho việc bảo dưỡng và sửa chữa công trình năng lượng...

Với ngành khai thác nhiên liệu hóa thạch sẽ bị ảnh hưởng bởi tình trạng khí hậu biến đổi và thời tiết cực đoan. Khai thác than ở Quảng Ninh và triển vọng khai thác than nâu ở đồng bằng sông Hồng sẽ càng khó khăn hơn do thiên tai, BĐKH làm tăng khả năng hao hụt, tổn thất sản lượng than, cường độ mưa bão và lũ lụt gia tăng làm tăng thêm chi phí sản xuất, chi phí xây dựng vận hành, duy tu các hệ thống khoan, các phương tiện vận chuyên; nhiều bến cảng biển, bến bãi, nhà kho thiết kế theo mực nước cuối thế kỷ 20 sẽ phải cải tạo lại, thậm chí phải di dời, gây tốn kém hơn về chi phí xây lắp cũng như chi phí vận



hành... Khai thác dầu khí ở ngoài thềm lục địa, công nghiệp lọc – hóa dầu phải tăng thêm chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu máy móc, phương tiện; Khó khăn hơn cho hệ thống vận chuyển dầu và khí từ dàn khoan trên biển đến các nhà máy hóa – lọc dầu. Một số quy định quan trọng về ứng phó với BĐKH sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu và chi phí sản xuất nhiên liệu và năng lượng bao gồm: Các tiêu chuẩn chất lượng nhiên liệu; Các tiêu chuẩn hiệu suất; Các tiêu chuẩn hiệu suất năng lượng; Các quy định chất lượng không khí; quy định về năng lượng tái tạo





*** Tác động tới các doanh nghiệp của ngành du lịch**

Du lịch là một trong những ngành kinh tế quan trọng của Việt Nam. Hàng năm, số khách du lịch quốc tế đến Việt Nam hàng 10 triệu lượt người, khách du lịch trong nước đạt 62 triệu lượt đóng góp trực tiếp 6,8% GDP và gián tiếp 14% GDP. Tuy nhiên khi thiên tai xảy ra, sẽ làm gián đoạn hoặc phải hủy bỏ các chuyến tham quan du lịch của du khách quốc tế và trong nước, do đó làm giảm doanh thu, gây thiệt hại nặng nề cho kinh tế của ngành du lịch.

Ngoài ra, tác động tiêu cực của BĐKH và thiên tai cũng làm thu hẹp vùng có nhiệt độ lý tưởng, có sinh cảnh hấp dẫn, thích hợp cho du lịch; Nhiều vùng du lịch trở nên thiếu hấp dẫn du khách; làm gia tăng rủi ro trong hành trình du lịch...; Các công trình trên các bãi biển thường xuyên phải nâng cấp để thích ứng với mực nước biển dâng dẫn đến tổn kém về kinh tế cho doanh nghiệp; Các bãi biển sâu hơn và sóng biển cao hơn làm tăng rủi ro gặp tai nạn cho khách du lịch.

*** Tác động tới các doanh nghiệp của các ngành khác**

- Ngành giao thông vận tải

Giao thông vận tải (GTVT) là một lĩnh vực nhạy cảm với thời tiết. Biến đổi khí hậu với những thay đổi đột ngột về nhiệt độ có hại cho công trình giao thông, độ ẩm dao động mạnh; bão lớn, lũ lụt, hạn hán ảnh hưởng lớn tới chất lượng đường xá, gây lún, nứt, trơn trượt... cản trở giao thông, phát sinh chi phí cho doanh nghiệp.

Những thiệt hại mà thiên tai và BĐKH đối với cơ sở hạ tầng GTVT gồm: Đường sắt, quốc lộ, đường giao thông nội bộ, cảng biển và sân bay có thể bị ngập, xói lở, phá vỡ kết cấu của công trình cầu đường bộ, đường sắt cũng như đường ống; Làm thoái hóa và hư hại của các công trình GTVT các loại; Luồng tàu bị chặn phải nạo vét....

- Ngành xây dựng

Xây dựng cũng là một trong những ngành chịu tác động trực tiếp từ



BAN CHỈ ĐẠO TRUNG ƯƠNG VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

thiên tai và biến đổi khí hậu. Thiên tai gia tăng khiến chúng ta phải phát sinh chi phí cho công trình xây dựng nhằm gia cố, phòng chống thiên tai, tăng khối lượng công việc cho xây dựng công trình mới để ứng phó thiên tai và sửa chữa công trình bị thiệt hại; Thiên tai xảy ra làm gián đoạn thi công công trình, tăng thời gian thi công, phát sinh chi phí.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

Luật PCTT số 33/2013/QH13, Luật Đê Điều số 79/2006/QH11 và Luật số 60/2020/QH14 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.

Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai. Gồm 3 chương và 26 Điều.

Nghị Quyết số 76/NQ-CP ngày 18/06/2018 về công tác phòng chống thiên tai.

Nghị định số 94/2014/NĐ-CP và Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 sửa đổi bổ sung nghị định 94: Quy định về thành lập và quản lý quỹ phòng chống thiên tai.

Bộ NN&PTNT: Tài liệu Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng.

Bộ NN&PTNT: Sổ tay hướng xây dựng phương án ứng phó thiên tai.

Bộ NN&PTNT: Hướng dẫn xây dựng và củng cố lực lượng xung kích PCTT.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN LẬP KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRONG DOANH NGHIỆP - Australian Aid - World vision

Tài liệu hướng dẫn QLRRTT trong doanh nghiệp – Us Aid-The Asia Foundation

White Paper on Business and Climate Change - Us Aid-The Asia Foundation - VCCI

Website: <https://ungphothientai.com/>